



Thông tin



Lý luận và Thực tiễn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG

1945   2017



Kỷ niệm

72

NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ QUỐC KHÁNH 2/9

Số 56 - 2017

Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Trần Duy Hùng, UVBTV, Trưởng Ban tổ chức Tỉnh ủy phát biểu khai giảng lớp bồi dưỡng “Công tác tổ chức xây Đảng cho chức danh Trưởng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy và tương đương năm 2017”



Đ/c Bùi Thắng, TUV, Hiệu trưởng phát biểu khai giảng lớp đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính K21, Hệ tập trung



Đ/c Phạm Kim Quang, BTĐU, Phó Hiệu trưởng trao bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính K30, hệ không tập trung



Đ/c Nguyễn Thị Liễu, Phó Hiệu trưởng trao chứng chỉ tốt nghiệp cho học viên lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính K24



Toàn cảnh lễ khai giảng lớp Bồi dưỡng Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã



Lễ trao bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Luật Kinh tế, hệ từ xa



**THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
Số 56 - 2017**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI THẮNG

Ban biên tập:
**PHẠM KIM QUANG
NGUYỄN THỊ BẢY**

Trình bày - Kỹ thuật:
**NGUYỄN ANH DŨNG
LÊ VIỆT LÂM**

Lưu hành nội bộ, số lượng 300 bản
Khổ 19 cm x 27 cm
GPXB số 05/GPXB-STTTT
Do Sở TT và TT Lâm Đồng cấp
Ngày 13 tháng 01 năm 2017

In tại:

Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt
14 Yersin, P.10, Đà Lạt
In xong, nộp lưu chiểu
tháng 9 năm 2017

Địa chỉ:

Trường Chính trị Lâm Đồng
Số 5 Khe Sanh - Phường 10 - Đà Lạt
Điện thoại: (0263) 3822011 - 3831662
Fax: (0263) 3812631

Email:

truongchinhtrilamdong@gmail.com

Website:

<http://truongchinhtrilamdong.com.vn>

Ảnh bìa 1:

Hình ảnh cổ động chào mừng Quốc khánh 2/9

MỤC LỤC
“THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN”
Số 56 - 2017
80 * 80

Trang

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ **Phạm Hữu Hải** - Trường chính trị tỉnh Lâm Đồng tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2016 - 2017 5
- ❖ **Kiều Hoài Sơn** - Từ “Đường Kách Mệnh” đến Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Ngọn cờ giải phóng dân tộc Việt Nam 7
- ❖ **Nguyễn Thị Thu Hương** - Cách mạng tháng Tám 1945 - Thắng lợi của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc 9
- ❖ **Đình Công Tuyển** - Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho giai cấp công nhân Việt Nam theo tinh thần đại hội XII của Đảng 11
- ❖ **Ngô Thị Hồng Loan** - Chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng theo tinh thần Nghị quyết XII của Đảng 14
- ❖ **Đoàn Quang Duy Tuấn** - Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 17
- ❖ **Tô Văn Bẩy** - Vận dụng bài học chọn đúng thời cơ Cách mạng tháng Tám trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay 19
- ❖ **Hoàng Thị Như Quỳnh** - Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo chí cách mạng Việt Nam 21

❖ <i>Lê Quang Sơn</i> - Mạn bàn về “Tham vọng quyền lực”	22
❖ <i>Nguyễn Văn Phước</i> - Gia đình trong thời kỳ công nghệ thông tin	25
❖ <i>Nguyễn Thị Bảy</i> - Tiếp tục hoàn thiện thể chế đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, góp phần xây dựng chính quyền địa phương vững mạnh	27
❖ <i>Đỗ Quốc Anh</i> - Phát huy vai trò của chính quyền cơ sở trong công tác tuyên truyền, định hướng người dân không vi phạm pháp luật khi sử dụng mạng xã hội	31

TIN TỨC - SỰ KIỆN

❖ <i>Chu Thị Thu Trang</i> - Công đoàn Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng với công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên	33
❖ <i>Võ Thị Bích Thúy</i> - Lạc Dương làm tốt công tác cán bộ đối với cán bộ là người dân tộc thiểu số	35
❖ <i>Phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu</i> - Thông tin kết quả đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng năm học 2016 - 2017	38

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2016 - 2017

❖ *Phạm Hữu Hải*

Năm học 2016 - 2017 là năm diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Cả hệ thống chính trị tập trung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của nhà trường tiếp tục có sự đổi mới, nâng cao chất lượng chuyên môn.

Trong thực hiện nhiệm vụ nhà trường luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, chặt chẽ, thường xuyên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và UBND tỉnh Lâm Đồng. Sự hỗ trợ, tạo điều kiện của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố trong tỉnh; Sự phối hợp có hiệu quả về công tác đào tạo, bồi dưỡng với các Học viện khu vực và các cơ sở liên kết đào tạo trên toàn quốc. Đội ngũ cán bộ, viên chức nhà trường đoàn kết nhất trí, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường.

Bên cạnh thuận lợi, hoạt động chuyên môn của trường còn một số khó khăn như: Đội ngũ giảng viên ở một số môn học còn thiếu; một số phần học không có giảng viên chuyên ngành. Việc mời giảng viên kiêm chức gặp khó khăn. Cơ sở vật chất nhà trường tuy đã được đầu tư nhưng một số phòng học, khu nhà ở xuống cấp, không đảm bảo cho việc giảng dạy, học tập và sinh hoạt đã làm hạn chế trong công tác quản lý và làm việc của cán bộ, viên chức...

Năm học qua, số cán bộ, viên chức, người lao động của Trường có sự thay đổi, 06 đồng chí cán bộ, viên chức nghỉ hưu, chuyển công tác. Hiện nay nhà trường có 58 đồng chí. Tổ chức bộ máy gồm

Ban Giám hiệu, 7 đơn vị khoa, phòng và 01 Trung tâm Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong đó nam 31 đồng chí, nữ 27 đồng chí.

Trình độ chuyên môn và lý luận chính trị: Thạc sĩ 22 đồng chí; Đại học 25 đồng chí; Trung cấp có 05 đồng chí; chưa qua đào tạo có 06 đồng chí (bộ phận phục vụ và bảo vệ). Cao cấp lý luận chính trị có 22 đồng chí; Trung cấp lý luận chính trị có 10 đồng chí; Sơ cấp 9 đồng chí.

Đội ngũ giảng viên, giảng viên tập sự, giảng viên kiêm chức: 29 đồng chí (chiếm 50,9% tổng cán bộ, viên chức và người lao động nhà trường).

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tập thể Đảng bộ, Ban Giám hiệu và toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh giao. Biểu hiện trên các mặt sau:

Thứ nhất: Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Trường đã tổ chức thực hiện 80 lớp với 6389 học viên. Trong đó các lớp đào tạo cán bộ, công chức, viên chức bằng ngân sách 71 lớp với 5983 học viên và các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội là 9 lớp với 406 học viên.

Nhà trường triển khai kế hoạch mở lớp và quản lý học viên theo Quy chế đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội quy, quy chế của nhà trường, đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh, duy trì tốt việc quản lý lớp. Thường xuyên tìm tòi đổi mới nội dung hình thức, phương pháp giảng dạy và học tập theo phương pháp tích cực nên đã có tác dụng thúc đẩy học viên chủ động sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

Thứ hai: Hoạt động nghiên cứu khoa học, Để kịp thời triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học, ngay từ đầu năm, nhà trường triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học đến các khoa, phòng, trung tâm đăng ký đề tài khoa học và đăng ký sáng kiến giải pháp trong thực hiện nhiệm vụ. Đến nay, nhà trường đã hoàn thành việc nghiệm thu 03 đề tài

cấp Trường và công nhận 09 sáng kiến, giải pháp trong công tác.

Việc thẩm định bài giảng cho giảng viên đã được quan tâm đúng mức, tập trung nhiều thời gian để thông qua bài tại các khoa và Hội đồng khoa học. Nhà trường đã thực hiện biên soạn tài liệu cho các lớp bồi dưỡng theo chức danh. Trong năm, nhà trường đã phối hợp tổ chức 03 cuộc Hội thảo, tham gia 03 hội thảo cấp khu vực và cấp tỉnh, tổ chức 08 buổi thông tin khoa học và thực hiện xuất bản được 03 số Nội san “thông tin lý luận và thực tiễn”...

Nhà trường đã tổ chức thành công Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp khoa, cấp trường lần thứ VI năm 2016 và chọn cử 02 giảng viên đi thi giảng viên dạy giỏi cấp học viện vào tháng 10/2017.

Thứ ba, công tác xây dựng quản lý cơ quan, Trường đã phát huy dân chủ, xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong quản lý và tổ chức hoạt động của cơ quan; duy trì tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, mối quan hệ công tác giữa các khoa, phòng, trung tâm... đưa các hoạt động của cơ quan đi vào nền nếp tạo được sự chuyển biến đồng bộ, xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất.

Trong điều kiện đội ngũ cán bộ giảng viên còn thiếu, trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh theo quy định, nhà trường đẩy mạnh phong trào thi đua học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năm học qua Trường cử nhiều cán bộ, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài.

Về công tác thi đua, khen thưởng: Nhà trường làm tốt công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị, phong trào thi đua được cụ thể hóa, phù hợp với thực tế tổ chức và hoạt động của nhà trường; gắn công tác thi đua, khen thưởng với việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Bên cạnh đó, nhà trường là thành viên tích cực và tham gia đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động của Cụm thi đua các trường Chính trị khu vực Tây Nguyên và Khối thi đua các trường Chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Với kết quả công tác trên, năm học qua nhà trường được Giám đốc Học viện Chính trị quốc

gia Hồ Chí Minh tặng Bằng khen; Khối thi đua các trường Chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho nhà trường.

Năm học 2017-2018, phát huy những thành tích đã đạt được, tiếp tục xây dựng sự đoàn kết thống nhất, đổi mới trong quản lý và tổ chức hoạt động của cơ quan, nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh phê duyệt, nhà trường tập trung thực hiện hệ thống các giải pháp phù hợp, thiết thực cụ thể như sau:

Một là, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo Kết luận số 117-KL/TW ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư Trung ương và văn bản số 241-CV/TU ngày 29/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc thực hiện Kết luận số 117-KL/TW công tác đào tạo, bồi dưỡng trường Chính trị.

Hai là, tập trung nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; trong đào tạo, bồi dưỡng cần tăng cường công tác đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi phần học, môn học.

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; tham gia đấu thầu một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh thuộc lĩnh vực được ưu tiên, đồng thời tổ chức triển khai nghiên cứu các đề tài khoa học cấp trường, tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học đảm bảo chất lượng, thiết thực, gắn với chuyên môn và phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

Bốn là, tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ viên chức đảm bảo hợp lý về số lượng, cơ cấu; tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; lựa chọn những cán bộ trẻ, có năng lực để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn kế cận, bổ sung cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý.

Năm là, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có và tiếp tục đề nghị tỉnh đầu tư xây dựng một số khu nhà và trang bị mới một số máy móc thiết bị để phục vụ tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học./.

P.H.H

❖ *Phó Trưởng Phòng TC-HC-QT*

TỪ “ĐƯỜNG KÁCH MỆNH” ĐẾN CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG - NGỌN CỜ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

❖ ThS Kiều Hoài Sơn

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, từng bước biến Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp giành lại độc lập dân tộc đều thất bại, hoàn toàn bế tắc về đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc. Đòi hỏi của lịch sử dân tộc Việt Nam lúc này là tìm con đường cứu nước giành lại độc lập dân tộc.

Trong bối cảnh đó, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đã bôn ba qua nhiều nước trên thế giới, khảo nghiệm thực tiễn cuối cùng Người đã lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, xác định con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là cách mạng vô sản. Từ đó, Người vận dụng, phát triển sáng tạo lý chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta chuẩn bị các tiền đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, mở lớp huấn luyện cán bộ. “Đường Kách Mệnh” là tác phẩm tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, tổ chức tại Quảng Châu. Đầu năm 1927, tập Đề cương bài giảng đó được “Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông” xuất bản thành sách với nhan đề “Đường Kách Mệnh”. Có thể khẳng định đây là cuốn sách giáo khoa chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam.

Trong tác phẩm “Đường Kách Mệnh” Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra hệ thống các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Đầu tiên Người đặt vấn đề một cách rõ ràng vì sao phải viết cuốn sách này? Và Người trả lời: Mục đích viết Đường Kách Mệnh là để nói cho đồng bào biết rõ vì sao chúng ta muốn sống thì phải làm cách mạng, vì sao cách mạng lại là việc chung của dân chúng chứ không phải việc của một, hai người. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại. Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ viết cuốn sách này không nhằm trau chuốt về mặt văn chương, chỉ viết làm sao cho “vấn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ”. Cuốn sách chỉ trình bày một cách “giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả”

Theo Người, muốn tiến hành cách mạng, trước hết phải có cái gì? Câu trả lời của Nguyễn Ái Quốc: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”.

Về phương pháp cách mạng Người chỉ rõ: Phải giành chính quyền bằng bạo lực cách mạng của quần chúng, phải biết chọn thời cơ, phải làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu...

Một vấn đề hiện nay được toàn Đảng, toàn dân ta quan tâm đó là sự suy thoái về đạo đức lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên thì ngay

những trang đầu tiên của tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc đã đặt ngay vấn đề tư cách của người cách mạng. Vì sao, Người lại đặt vấn đề đạo đức tư cách người cách mạng lên trên hết, trước hết? Bởi vì, với nhân quan chính trị của một nhà cách mạng chuyên nghiệp, Người sớm nhận ra đây là vấn đề gốc của mọi vấn đề. Người muốn cho cán bộ đi làm cách mạng, trở thành người cảm quyền trước hết phải thấm nhuần đạo đức tư cách người cách mạng. Đây chính là cái gốc của người cán bộ. Những bài học về đạo đức cách mạng của Người vẫn còn nguyên giá trị hơn đến ngày hôm nay như tự mình phải: Cần kiệm, nói thì phải làm, giữ chữ nghĩa cho vững, hy sinh, ít lòng tham muốn về vật chất...

Như vậy, trong tác phẩm Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam đó là tổ chức lãnh đạo là Đảng cộng sản, Đảng phải thực hiện đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, hệ tư tưởng của Đảng chính là chủ nghĩa Mác - Lênin, lực lượng của cách mạng là đoàn kết toàn dân... Có thể khẳng định Đường Kách Mệnh chính là tác phẩm có tính chất cương lĩnh của phong trào yêu nước Việt Nam trước khi có Đảng, đặt nền móng lý luận cho Nguyễn Ái Quốc soạn thảo ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng được Hội nghị thành lập Đảng ta thông qua tháng 2/1930, từ đó trở thành ngọn cờ dẫn dắt con đường cách mạng Việt Nam tiến lên giành thắng lợi. Đường kách mệnh hàm chứa giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, kết hợp phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lênin, tạo lập các tiền đề tư tưởng, lý luận cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những nội dung cốt lõi của tác phẩm sau này được Nguyễn Ái Quốc đưa vào Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đó là: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng” Đảng chủ trương xây dựng khối đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức cách mạng, chỉ

đánh đổ những lực lượng và đảng phái phản cách mạng. Cương lĩnh chính trị của Đảng chỉ rõ giai cấp lãnh đạo và lực lượng chính, động lực chủ yếu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam là: “Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được”.

Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Cương lĩnh nêu rõ: “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”, điều đó khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Đó là sự kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, lợi ích dân tộc và lợi ích toàn nhân loại tiến bộ đang đấu tranh để giải phóng khỏi ách áp bức, bất công trên thế giới.

Trong suốt 90 năm, kể từ sau khi tác phẩm ra đời, những tư tưởng và lý luận mà Đường Kách mệnh đề cập, luôn có ý nghĩa to lớn đối với Đảng và con đường cách mạng Việt Nam. Đường kách mệnh đã trở thành tài liệu cơ bản để huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng Việt Nam trong mọi thời kỳ, ngày nay tác phẩm được công nhận là Bảo vật quốc gia.

Đại hội Đảng XII mới đây đã khẳng định đường lối phát triển cách mạng trong thời kỳ mới, đó cũng chính là tiếp tục sự nghiệp của “Đường kách mệnh” mà Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra 90 năm trước đây được Đảng ta thông qua bằng Cương lĩnh chính trị đầu tiên, những giá trị cốt lõi kết tinh trong “Đường kách mệnh” vẫn còn nguyên giá trị trong thời kỳ đổi mới, sẽ tiếp tục được các thế hệ hôm nay và mai sau kế thừa và phát triển để “Đường Kách mệnh” là «cẩm nang», là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi./.

K.H.S

Tài liệu tham khảo

www.dangcongsan.vn

❖ Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 - THẮNG LỢI CỦA TINH THẦN ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

❖ Nguyễn Thị Thu Hương

Hàng năm, cứ vào những ngày tháng Tám và đầu tháng 9 mỗi người dân Việt Nam dù đang ở bất kỳ nơi đâu, ngay trong lòng đất mẹ hay ở xa Tổ quốc đều bồi hồi nhớ lại cuộc Cách mạng mùa thu năm 1945 và Quốc khánh nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 02 tháng 9 với niềm tự hào sâu sắc nhất.

Cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước Việt Nam diễn ra từ ngày 15 đến ngày 28 tháng 8 năm 1945 và thành công ở Hà Nội vào ngày 19 tháng 8 năm 1945 đã đưa nước Việt Nam đi lên một vị trí mới, một tầm vóc mới, một thế đứng mới. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân điển hình này: *“Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và nhân dân những dân tộc bị áp bức những nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần đầu tiên trong lịch sử Cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo Cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”*.

Từ thân phận nô lệ, Tổ quốc Việt Nam đã độc lập, tự do, có quyền tự quyết; nhân dân Việt Nam trở thành người chủ và làm chủ trong một chế độ dân chủ cộng hòa. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã làm rung chuyển và chấn động hệ thống thuộc địa, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH; đồng thời cũng là cột mốc đánh dấu sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa kiểu cũ trên phạm vi quốc tế.

Thành quả to lớn đó trước hết thuộc về sự nghiệp cách mạng của toàn thể nhân dân Việt Nam, trong đó, vai trò của Hồ Chí Minh là tiền đề và hết sức quan trọng. Để có được thắng lợi vĩ đại đó, Hồ Chí Minh đã phải bôn ba khắp năm châu bốn biển, đúc kết kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới,

lựa chọn con đường cách mạng vô sản duy nhất đúng cho dân tộc Việt Nam. Người đã nắm chắc thời cơ và khi thời cơ chín muồi, cũng chính Người đã “chớp lấy” kịp thời nhất, cùng toàn Đảng, toàn dân tộc đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi vĩ đại.

Thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đúc kết bài học quý về quy tụ nhân tâm, quy tụ lòng người; bài học về sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp hài hòa “ý Đảng với lòng dân”, như một quy luật lịch sử tất yếu khách quan. Tin dân, dựa vào dân, hiểu thấu dân tâm là truyền thống quý báu trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc ta, trở thành một giá trị tiêu biểu của nền văn hóa - chính trị Việt Nam hiện đại.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, chỉ khi nào lòng dân quy về một mối, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố vững chắc thì nội lực dân tộc mới được phát huy cao nhất, đất nước mới trở nên thái bình, thịnh trị, dân chúng yên vui, hạnh phúc. Từ tổng kết kinh nghiệm lịch sử dân tộc, ngay từ năm 1942, trong cuốn sách nổi tiếng “Lịch sử nước ta”, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Dân ta phải biết sử ta”. Sử ta dạy cho ta bài học, khi nào dân ta đoàn kết thì độc lập nước nhà được giữ vững, nếu không đoàn kết thì độc lập nước nhà có nguy cơ bị xâm phạm. Và chính sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn là một bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam, tạo ra nhân tố hạt nhân quy tụ sức mạnh đoàn kết dân tộc, kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đây là tiền đề quan trọng nhất cho những bước phát triển tiếp theo và cho thắng lợi hoàn toàn của cuộc đấu tranh giải phóng và công cuộc phục sinh, chấn hưng, phát triển của dân tộc.

Với sự trở về nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương

lần thứ 8 của Đảng họp tháng 5-1941 đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng, mở ra con đường đi tới thắng lợi của cuộc đấu tranh yêu nước, giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Hội nghị khẳng định: “Cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”; xác định chủ trương hoàn toàn mới: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc”. Trong “Kính cáo đồng bào” năm 1941, Hồ Chí Minh viết: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng”.

Hội nghị Trung ương 8 của Đảng và sự ra đời của Mặt trận Việt Minh đánh dấu bước ngoặt trong đường lối lãnh đạo cách mạng hướng tới việc mở rộng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, quy tụ và phát huy cao độ nội lực dân tộc cho một cuộc hồi sinh vĩ đại. Kể từ đây, chủ trương đoàn kết dân tộc của Đảng được đặt trên cơ sở của chính chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Chủ trương này được thực hiện nhất quán trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, lần đầu tiên Mặt trận Dân tộc Thống nhất đã trở thành hiện thực và phát huy vai trò mạnh mẽ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đặc biệt là sự lãnh đạo và trực tiếp chỉ đạo của Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh không chỉ làm cho khối đại đoàn kết dân tộc được mở rộng, củng cố, không ngừng “đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”, mà còn nâng lực lượng của khối đại đoàn kết đó lên một trình độ mới, một chất lượng mới - Đại đoàn kết quy tụ dân tâm có hệ tư tưởng, có tổ chức, có lãnh đạo. Kết quả là chỉ trong khoảng hai tuần, được đồng bào cả nước đồng lòng, đồng sức, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã diễn ra một cách mau lẹ, đầy bản lĩnh và sáng tạo, thắng lợi hoàn toàn trong cả nước.

Hơn 72 năm đã qua, nhưng ký ức hồi sinh của cả một dân tộc thì không bao giờ quên lãng. Trong lòng mỗi người dân Việt, Cách mạng Tháng Tám vẫn là một sự kiện diệu kỳ của lịch sử dân tộc Việt Nam và nhân loại. Đã

có nhiều kiến giải khác nhau ở trong nước và trên thế giới về sự kỳ diệu của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8-1945 của Việt Nam. Và ở đó có một sự thực thống nhất, lịch sử không thể phủ nhận với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, ngọn cờ dân tộc được Đảng ta giương cao hơn bao giờ hết và trong suốt hơn 4 năm, Mặt trận Việt Minh đã thực sự trở thành nhân tố trung tâm quy tụ sức mạnh của nhiều lực lượng và cá nhân yêu nước tiến bộ. Khối đại đoàn kết toàn dân đã không những được khôi phục, được củng cố, mà còn được nâng lên tầm cao mới, kết hợp với sức mạnh của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, tạo ra xung lực hồi sinh mạnh mẽ để bùng phát kịp thời, khi thời cơ đến. Và ở đó, dân tộc Việt Nam, nhân loại tiến bộ yêu chuộng hòa bình càng vô cùng yêu quý, khâm phục, tôn vinh thiên tài lãnh đạo và tổ chức thực hiện cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc biết nương tựa vào nhau, chung sức đồng lòng vì lẽ phải, lương tri và những giá trị làm người cơ bản, mà giá trị số một là quyền được sống trong một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là biểu tượng cao đẹp, là kết quả của sự phát huy các nguồn lực con người, trí tuệ và của cái của chính nhân dân, nhằm giải phóng bản thân; là hội tụ của các nguồn lực mạnh mẽ nhất của toàn dân tộc trong thời khắc bước ngoặt lịch sử dưới ngọn cờ chói lọi tinh thần yêu nước của Mặt trận Việt Minh, do Đảng ta và Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Kỷ niệm 72 năm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, toàn dân tộc Việt Nam càng tiếp tục nỗ lực học tập, nghiên cứu, thấm nhuần và thực hiện đường lối đại đoàn kết, thực hiện tốt hơn nữa, cao hơn nữa bài học nắm vững quy luật lòng dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhằm khơi dậy tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, xác định chủ nghĩa yêu nước chân chính là động lực vĩ đại trong tiến trình thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của đất nước hiện nay./.

N.T.T.H

❖ *Trưởng khoa Xây dựng Đảng*

NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VĂN HÓA, TINH THẦN CHO GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG

❖ ThS Đinh Công Tuyên

Sau 30 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, giai cấp công nhân nước ta đã có những bước tiến cơ bản về việc làm và thu nhập. Tuy vậy, đời sống văn hóa, tinh thần vẫn còn nhiều “khoảng trống” cần tiếp tục được các cơ quan chức năng nghiên cứu và giải quyết thỏa đáng.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã và đang có nhiều giải pháp cụ thể để nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho giai cấp công nhân. Điển hình như cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 6 Khóa X (2008), Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 về việc phê duyệt Đề án *Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*”, với hàng loạt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm mục tiêu: “phần đầu năm 2020 có 100% công nhân và người sử dụng lao động ở các khu công nghiệp được phổ biến pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa; trên 70% công nhân ở các khu công nghiệp tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao; 80% Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch”¹.

Với nhiều chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước nhằm quan tâm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động đã được ban hành và tổ chức thực hiện đạt kết quả ban đầu. Đời sống văn hóa tinh thần của công nhân đã và đang được cải thiện, góp phần xây dựng và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Nhiều hoạt động chăm lo nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động đã được các cấp Công đoàn chủ động phối hợp tổ chức như: tổ chức sinh hoạt văn hóa gắn với giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền phổ

biến giáo dục pháp luật, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề nâng cao kỹ năng sống, tổ chức thăm hỏi, động viên công nhân trong các dịp lễ, dịp tết, tổ chức các chương trình gặp gỡ đối thoại với công nhân... và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thi nữ công gia chánh như Hội thi nấu ăn, Tiếng hát công nhân lao động, dạy khiêu vũ miễn phí cho công nhân lao động...

Nhiều mô hình nổi bật trong việc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của công nhân cũng được các địa phương triển khai tích cực. Tiêu biểu có thể kể tới như: Tại TP Hồ Chí Minh hiện có 14 nhà văn hóa lao động trên địa bàn thành phố thường xuyên là địa chỉ tìm đến của công nhân lao động, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của công nhân lao động và quần chúng nhân dân. Tại Hà Nội, “*Điểm sinh hoạt văn hoá công nhân tại khu công nghiệp, khu chế xuất*”, “*Điểm sinh hoạt văn hoá công nhân tại doanh nghiệp*”, “*Điểm sinh hoạt văn hoá công nhân tại khu dân cư*” là 3 mô hình thường xuyên duy trì mở cửa hằng ngày phục vụ sinh hoạt văn hóa và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao thu hút hàng nghìn lượt công nhân viên chức lao động tới tham gia. Tại Đồng Nai, “*Điểm hỗ trợ công nhân trực tiếp tại nhà trọ*” là mô hình mang lại nhiều lợi ích kép, đã được Trung tâm Tư vấn pháp luật - Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức thành công. Với trên 100 đầu sách, hàng ngàn tờ báo, 2 máy tính kết nối internet và một điện thoại bàn gọi miễn phí, đây không chỉ là nơi thông tin - tư vấn pháp luật miễn phí mà còn hỗ trợ các

thông tin về việc làm, cung cấp sách báo và tổ chức sinh hoạt tập thể cho công nhân. Tại Hải Phòng hiện có 27 cụm văn hóa thể thao công nhân lao động được thành lập ở 11/17 huyện, thị xã, thành phố, thu hút gần 500 công nhân đoàn cơ sở, với khoảng 60.000 công nhân viên chức lao động tham gia...²

Có thể nói, với sự quan tâm, vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy đảng, các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, và từ chính sự ý thức của giai cấp công nhân. Qua đó đời sống văn hóa tinh thần của giai cấp công nhân đã từng bước được nâng lên, góp phần quan trọng cho việc ổn định trật tự xã hội, phát triển kinh tế xã hội trên cả nước.

Mặc dù đã đạt được những bước tiến cơ bản, song giai cấp công nhân nước ta cũng đang phải đối diện với những vấn đề cần quan tâm để nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, đó là:

Thứ nhất, đời sống vật chất còn khó khăn, dẫn đến đời sống hưởng thụ văn hóa còn nhiều hạn chế, vì công nhân còn dành thời gian để phục vụ nhu cầu tồn tại của bản thân, gia đình.

Đầu tiên phải kể đến đó là vấn đề tiền lương tối thiểu mới chỉ đáp ứng được 70% nhu cầu thiết yếu của người lao động. Tổng liên đoàn đã khảo sát 1.600 lao động thuộc các ngành dệt may, giày da, giao thông vận tải, cơ khí, điện tử tại 10 tỉnh thành với 60 doanh nghiệp thuộc 4 vùng lương. Kết quả cho thấy, 20% lao động không đủ sống, 31% phải chi tiêu tằn tiện, 41% vừa đủ trang trải và chỉ 8% có tích lũy... Việc chưa thể trang trải cơ bản cho cuộc sống khiến cho nhiều công nhân phải tăng ca, làm thêm, do đó không có nhiều thời gian sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa.

Một yếu tố nữa là việc dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân vẫn còn chậm được triển khai đồng loạt, chưa đáp ứng được nhu cầu của đa số công nhân. Tính đến hết năm 2016, cả nước cho dù đã hoàn thành 179 dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân, người thu nhập thấp đô thị, khoảng 71.150 căn hộ, tương đương 3,7 triệu m² với mức đầu tư 25.900 tỉ đồng³, giải quyết chỉ được 28% nhu cầu. Việc hạn chế về chỗ ở ổn định ảnh hưởng khá nhiều

đến tâm lý, tình cảm của công nhân, nhất là những công nhân từ các vùng miền tập trung đông đảo tại các khu công nghiệp.

Thứ hai, mặc dù đã có sự quan tâm, song các thiết chế văn hóa còn quá ít, các hoạt động văn hóa còn đơn điệu, nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của công nhân.

Ở hầu hết các khu công nghiệp, khu chế xuất lớn trên cả nước, hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ công nhân như hội trường, nhà văn hóa, sân chơi hoặc phòng tập thể thao còn thiếu, cơ sở vật chất còn nghèo nàn. Mặt khác công đoàn cơ sở chưa phát động được các phong trào phù hợp với nhu cầu của người lao động. Người công nhân hưởng thụ một cách thụ động chứ chưa được phát huy khả năng sáng tạo văn hóa trong không gian sống của mình.

Theo một khảo sát mới đây của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, có gần 90% số công nhân sống trong những khu nhà trọ dân lập, thiếu cả những trang, thiết bị sinh hoạt đơn giản nhất. Vẫn còn một bộ phận công nhân đang sống trong môi trường ba không: không ti-vi, không sách báo, không in-tơ-nét... Điều đó có nghĩa, người lao động không chỉ lo "đói" trong khẩu phần ăn hàng ngày để có đủ sức làm việc, mà còn "đói" cả về văn hóa. Thú vui đơn giản của những nữ công nhân sau giờ làm việc nặng nhọc, vất vả thường là ra chợ đêm, chợ cóc mua sắm quần áo, vật dụng sinh hoạt rẻ tiền. Nam công nhân tụ tập từng nhóm chơi bài, đánh cờ, nhậu nhẹt...

Thứ ba, với mục tiêu hàng đầu là lợi nhuận, nên chủ các doanh nghiệp, nhà máy chưa chú trọng quan tâm tới đời sống văn hóa của công nhân lao động. Nhiều chủ doanh nghiệp quá chú trọng vào việc tăng ca sản xuất mà chưa dành thời gian để tổ chức các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động. Báo cáo của Liên đoàn Lao động các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho thấy, chỉ có 28% doanh nghiệp trên cả nước tổ chức các cuộc giao lưu nghệ thuật, hội diễn văn nghệ; 31% doanh nghiệp tổ chức hoạt động thể thao; 49% doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật; 29%

doanh nghiệp tổ chức tham quan du lịch; 21% doanh nghiệp duy trì hoạt động các câu lạc bộ... cho người lao động. Điều này tác động làm gây tình trạng căng thẳng, giảm sút sức khỏe, tinh thần, lối sống, tình cảm... của người lao động, làm giảm hiệu quả làm việc, năng suất lao động...

Hệ quả của những hạn chế, thiếu sót trên là người công nhân đã và đang chịu nhiều thiệt thòi, thiếu thốn trong hưởng thụ đời sống văn hóa, tinh thần, tác động lớn đến lối sống, tác phong làm việc. Theo một nghiên cứu của Viện Công nhân và Công đoàn cho thấy: khoảng gần 28% công nhân có xu hướng và lối sống buông thả, thực dụng; chạy theo đồng tiền, đua đòi, lãng phí; 22% sống ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân⁴.

Từ thực tiễn trên, Đảng ta đã chỉ ra những hạn chế: “Công nhân chưa được hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần tương xứng với thành quả của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Hệ thống thiết chế văn hóa, công trình phúc lợi, trường học, bệnh viện, nhà ở... phục vụ công nhân lao động khu công nghiệp chưa được đầu tư thỏa đáng. Nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm đến đời sống văn hóa tinh thần của công nhân lao động; môi trường văn hóa ở nơi làm việc và nơi sinh sống của công nhân chưa được quan tâm xây dựng và phát triển; một số công nhân có lối sống thiếu lành mạnh, vướng vào tệ nạn xã hội; một số bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động tham gia vào các hoạt động chống phá, gây rối”⁵. Nguyên nhân của hạn chế này là: “Chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về quyền và lợi ích hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được kịp thời thể chế hóa, hoặc đã được thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc”⁶.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; mức độ hội nhập, toàn cầu hóa ngày càng cao. Số lượng doanh nghiệp, doanh nhân, công nhân lao động nước ngoài vào làm việc trong các khu công nghiệp Việt Nam sẽ gia tăng; sự đan xen, giao thoa văn hóa giữa các nước, dân tộc, vùng miền, khu vực ngày càng nhiều. Để đạt

mục tiêu giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng thì cần tiến hành các biện pháp hiệu quả để: “bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân”⁷.

Trong thời gian tới, để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội XII, đặc biệt là quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 09/01/2016 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất. Các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho giai cấp công nhân cần thực hiện tốt trên các mặt:

Quán triệt các doanh nghiệp nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cần tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng giai cấp công nhân, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, sự đồng thuận xã hội và thống nhất hành động để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp hành động của các cấp chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động. Các cấp ủy đảng đưa nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động vào nghị quyết; lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội có chương trình hành động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ đó.

*Tăng cường sự hợp tác, đoàn kết cùng có lợi giữa chủ doanh nghiệp, doanh nhân với công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy đảng, nhất là tổ chức đảng trong doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở doanh nghiệp. Xác định chủ doanh nghiệp, doanh nhân, công nhân lao động vừa là chủ thể vừa là đối tượng thụ hưởng thành quả của ☞ *Xem tiếp trang 16**

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT XII CỦA ĐẢNG

❖ ThS Ngô Thị Hồng Loan

Đường lối đối ngoại đối với một quốc gia, dân tộc có vai trò rất quan trọng trong công tác đối ngoại của mỗi quốc gia. Nó được xác định như kim chỉ nam cho công tác đối ngoại, quyết định sự thành bại của công tác đối ngoại.

Với Việt Nam, qua mỗi thời kỳ cách mạng, dựa trên tình hình thực tiễn, Đảng ta luôn xác định đường lối đối ngoại phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước. Ngày 02/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, trong bản Tuyên ngôn độc lập, Bác Hồ khẳng định trước toàn thể quốc dân đồng bào “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”. Có thể nói, đây là thông điệp ngoại giao đầu tiên của nước ta sau khi giành được độc lập để gửi tới toàn thế giới. Thông điệp này thể hiện ý chí của dân tộc Việt Nam lấy độc lập, tự chủ, bằng sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của thế giới. Và lịch sử đã chứng minh rằng, đường lối đối ngoại của Đảng đã trở thành vũ khí sắc bén để bảo vệ thành quả cách mạng, góp phần quan trọng và quyết định vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi non sông thu về một mối, đặc biệt từ thời kỳ đổi mới, Đảng ta vẫn luôn luôn bám sát tình hình thực tế của thế giới để đưa ra các quyết sách ngoại giao phù hợp với xu thế chung của thời đại. Trong 10 năm đầu thời kỳ đổi mới, Đảng ta hình thành được đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Đảng đề ra chủ trương “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực*” tại Đại hội Đảng lần thứ IX (năm 2001) . Thời kỳ này chúng ta

xác định phải thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu với phương châm “*Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*”. Trong Nghị quyết Đại hội XI (năm 2011) Chủ trương đối ngoại của Đảng chuyển từ “*hội nhập kinh tế quốc tế*” lên “*hội nhập quốc tế*”. Một sự hội nhập toàn diện, đồng bộ từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng... với phương châm “*là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế*”.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại sau 30 năm đổi mới, quan điểm về đường lối đối ngoại của Đảng ta được hiến định tại Điều 12, Hiến pháp năm 2013 “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới*”. Đây là một trong 6 nhiệm vụ chiến lược quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới, được ghi nhận trong một văn kiện quan trọng nhất của đất nước - bản Hiến pháp năm 2013. Nội dung

Nghiên cứu - Trao đổi

về đường lối đối ngoại của Đảng lần thứ XII thể hiện ở các điểm cơ bản sau:

Một là, về mục tiêu đối ngoại “*Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi*”. Mục tiêu này thể hiện chủ trương đối ngoại của Đảng ta vì lợi ích quốc gia – dân tộc. Lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc là đồng nhất; lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam được xác định trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, không phải là những lợi ích dân tộc vị kỷ, hẹp hòi; bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc phải là nguyên tắc tối cao của mọi hoạt động đối ngoại. Điều này có nghĩa Việt Nam luôn luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc là nguyên tắc cao nhất của các hoạt động đối ngoại, là nguyên tắc mà tất cả các hoạt động đối ngoại, từ ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng đến ngoại giao Nhân dân đều phải tuân thủ một cách nghiêm chỉnh và triệt để.

Hai là, phương châm chỉ đạo các hoạt động đối ngoại là “*vừa hợp tác, vừa đấu tranh*”, hợp tác và đấu tranh là hai mặt của hoạt động đối ngoại. Vì vậy, trong quá trình triển khai các nhiệm vụ đối ngoại, chúng ta phải thấy được tính chất hai mặt trong quan hệ với mọi đối tác, để không bỏ lỡ bất kỳ một cơ hội hợp tác nào cũng như cần phải đề cao tinh thần cảnh giác trong mọi hoàn cảnh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi. Phương châm đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân.

Ba là, nguyên tắc đối ngoại là “*độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế*”. Độc lập, tự chủ ở đây không có nghĩa là biệt lập, khép kín mà độc lập của chúng ta là thực hiện các quyền dân tộc cơ bản của mình trong điều kiện cùng bảo đảm lợi ích chính đáng của các quốc gia dân

tộc khác. Độc lập, tự chủ gắn với đoàn kết, hợp tác cùng có lợi để phát triển trên cơ sở đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại, làm cho các quan hệ đối ngoại mở rộng ra trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, an ninh quốc phòng... trên tất cả các kênh với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, là bạn là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Biết rằng, hội nhập quốc tế sẽ mang đến cho chúng ta nhiều cơ hội, nhất là khả năng tranh thủ hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế cũng đặt ra cho chúng ta không ít những thách thức, đặc biệt là những bất ổn về chính trị, an ninh xã hội và các thách thức an ninh phi truyền thống. Vì vậy, chúng ta phải có cơ chế phù hợp với bối cảnh tình hình của đất nước để đạt được mục tiêu của đường lối đối ngoại, phục vụ hiệu quả nhất mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

Bốn là, nhiệm vụ đối ngoại là “*kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới*”. Để bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao vị thế của đất nước, bên cạnh việc khẳng định các nhiệm vụ phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước, Đảng ta còn đề ra nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc. Bảo vệ an ninh tổ quốc là phải “*kiên quyết, kiên trì*”, nghĩa là chúng ta không chủ quan, nóng vội, không manh động, phải tận dụng mọi biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, tận dụng mọi kênh, mọi phương thức có thể để kiên quyết bảo vệ đến cùng các thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và Nhân dân.

Trên đây là những nội dung cơ bản của đường lối đối ngoại theo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII. Quan điểm đối ngoại của Đảng ta luôn kiên trì phương châm là bạn với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở độc

lập, tự chủ và nguyên tắc của luật pháp quốc tế nhằm mục đích tạo ra lợi ích chung với các nước để duy trì hòa bình, ổn định. Trong bối cảnh tình hình thế giới chuyển biến nhanh, với những thuận lợi và thách thức nhất định, đường lối đối ngoại mà Đại hội XII đưa ra có giá trị định hướng và tạo thuận lợi cho công tác đối ngoại. Để thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại của Đảng cần phải nhanh chóng

quán triệt, cụ thể hóa thành chính sách và xây dựng, triển khai các kế hoạch hành động cụ thể trong từng lĩnh vực, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng các phương án để đối phó với diễn biến bất lợi, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao tầm vóc Việt Nam./.

N.T.H.L

❖ *Khoa Nhà nước và Pháp luật*

☞ *Tiếp theo trang 13* **NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VĂN HÓA...**

việc tạo dựng và phát triển môi trường văn hóa lành mạnh trong khu công nghiệp, khu chế xuất.

Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức công đoàn trong tổ chức các buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo sân chơi lành mạnh, giúp công nhân giải tỏa mỗi mệt sau thời gian lao động căng thẳng. Đẩy mạnh phát triển đoàn viên công đoàn, tổ chức và nhân rộng nhiều mô hình hay trong Tháng Công nhân, chương trình “Tết Sum vầy”, “Mái ấm Công đoàn”, nâng cao chất lượng thỏa ước lao động tập thể, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của công nhân, xây dựng mô hình điểm sinh hoạt văn hóa công nhân tại khu nhà trọ công nhân gắn với hoạt động Tổ tự quản công nhân khu nhà trọ...

Hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam tiếp tục sự tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Nhiều vấn đề xã hội mới, phức tạp có thể xuất hiện, do vậy, môi trường lao động, văn hoá, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân lao động tiếp tục là vấn đề cần được quan tâm. Đây không chỉ là trách nhiệm của

tổ chức Công đoàn mà cần sự chung tay của các cấp ủy Đảng, chính quyền và người sử dụng lao động. Bên cạnh đó, mỗi công nhân lao động cần quan tâm tìm hiểu, thấy được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, góp phần “khỏe” về thể chất, “vững” về tinh thần, để tiếp tục hăng say lao động, đóng góp vào quá trình phát triển đất nước./.

Đ.C.T

1. Quyết định số 1780/QĐ - TTg ngày 12/10/2011 về “Phê duyệt đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các Khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”

2 <http://cinet.vn>.

3. <http://www.congdoanvn.org.vn>

4 <http://congdoan.vn/>

5. Chi thị số 52-CT/TW ngày 9/1/2016 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, VP TW Đảng, H.2016, tr 157.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, VP TW Đảng, H.2016, tr160.

❖ *Giảng viên Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.*

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRỞ THÀNH MỘT ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

❖ ThS Đoàn Quang Duy Tuấn

Ngày 03/06/2017, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết là một bước tiến mới, tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân và toàn bộ nền kinh tế. Đồng thời, thể hiện đường lối quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước về kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay ở nước ta, kinh tế tư nhân ngày càng chứng tỏ được sức mạnh, sự năng động, thích ứng nhanh với sự biến động của nền kinh tế thị trường, là một trong các động lực phát triển đất nước. Những đóng góp tích cực của kinh tế tư nhân đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm qua, bao gồm: góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, huy động các nguồn vốn trong nhân dân, trong xã hội vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước, tạo môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và góp phần đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước...

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2016, khu vực kinh tế tư nhân hiện có khoảng 500 nghìn doanh nghiệp, chiếm gần 90% số doanh nghiệp của cả nước. Trong giai đoạn 2006 - 2015, so với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), khu vực kinh tế tư nhân đóng góp hơn 40% GDP cả nước, 30% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, gần 80% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ, 64% tổng lượng hàng hóa và 100% giá trị sản lượng hàng hóa vận chuyển. Trong thời gian tới, khu vực kinh tế tư nhân sẽ tiếp tục đóng góp khoảng 30% ngân sách và khoảng 40% GDP của cả nước.

Đặc biệt, khu vực kinh tế tư nhân thu hút khoảng 51% lực lượng lao động của cả nước và tạo khoảng 1,2 triệu việc làm cho người lao

động mỗi năm, góp phần quan trọng vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt tạo việc làm mới cho những đối tượng bị giảm biên chế hoặc mất việc làm do quá trình tinh giản bộ máy hành chính, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hay dịch chuyển lao động từ khu vực nông thôn lên các thành phố lớn.

+ Thành phố Hồ Chí Minh: thành phần kinh tế tư nhân đang đóng góp trên 60% GDP của thành phố (đến năm 2020: đóng góp khoảng 65% GDP và đóng góp 64% tổng vốn đầu tư toàn xã hội).

+ Thành phố Hà Nội: khu vực kinh tế tư nhân tạo thêm khoảng 150.000 việc làm mới; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 6,5%/năm; đóng góp khoảng 40% GDP của thành phố.

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng năm 2016 nêu định hướng: “*Hoàn thiện cơ chế, chính sách để tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế*”, đã nhấn mạnh rõ hơn, coi kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng của nền kinh tế” bên cạnh vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước.

Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, xác định một số mục tiêu cụ thể như sau:

- Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phân đầu đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp, đến năm 2025 có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp và đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp.

- Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Phân đầu tăng tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP để đến năm 2020 đạt khoảng 50%, năm 2025 khoảng 55%, đến năm 2030 khoảng 60 - 65%.

- Bình quân giai đoạn 2016 - 2025, năng suất lao động tăng khoảng 4 - 5%/năm. Thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ, chất lượng nhân lực và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân so với nhóm dẫn đầu ASEAN-4, nhiều doanh nghiệp tư nhân tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Đề Nghị quyết số 10-NQ/TW thực hiện thắng lợi, bên cạnh việc phát huy những lợi thế vốn có của khu vực kinh tế tư nhân như tính năng động, vốn, trình độ quản lý, tiềm năng nhân lực... đồng thời khắc phục những tồn tại của khu vực này, cần tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh rõ hơn vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp mà nghị quyết đã đưa ra như sau:

Thứ nhất, thống nhất về nhận thức, tư tưởng, hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

Thứ hai, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tư nhân và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường, mở rộng khả năng tham gia thị trường và thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực...

Thứ ba, hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, khuyến

khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, động viên tinh thần kinh doanh, ý chí khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội, nhất là trong cộng đồng doanh nghiệp...

Thứ tư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước: xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật, cơ chế, chính sách, kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn cho kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của các bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp đối với việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân.

Thứ năm, đổi mới nội dung, phương thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đối với kinh tế tư nhân phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết số 10-NQ/TW được ban hành kịp thời trong bối cảnh hiện nay, cùng với sự quan tâm thiết thực, sự đồng hành hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, cùng với năng lực nội tại của khu vực kinh tế tư nhân, chúng ta hoàn toàn có đầy đủ cơ sở để tin tưởng những năm tới đây sẽ là cơ hội tốt để phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh doanh, định vị thương hiệu, xứng đáng với vai trò, vị thế và tiềm năng của khu vực kinh tế tư nhân, để khu vực kinh tế này thật sự phát triển trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết mà Đảng ta đã đề ra./.

Đ.Q.D.T

Tài liệu tham khảo

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 về “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”.

- Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế, baomoi.com, 10/05/2017.

- Số liệu Tổng cục thống kê năm 2016.

❖ *Giảng viên Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng HCM*

VẬN DỤNG BÀI HỌC CHỌN ĐÚNG THỜI CƠ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM TRONG CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ HIỆN NAY

❖ ThS Tô Văn Bấy

Thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, có nghĩa lịch sử, tầm vóc vĩ đại đã để lại cho Đảng ta, dân tộc ta nhiều bài học quý báu, trong đó bài học về chọn đúng thời cơ cách mạng để tạo nên những bước ngoặt của cuộc cách mạng. Hiện nay, thế giới, khu vực và đất nước ta đang chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 4.0, bài học chọn đúng thời cơ vẫn giữ nguyên giá trị trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là dấu mốc quan trọng, đánh dấu sự tiếp nối lịch sử hào hùng mấy ngàn năm dựng nước, giữ nước, mở ra một thời đại mới cho toàn thể dân tộc Việt Nam. Một trong những nét đặc sắc, tiêu biểu, độc đáo và quyết định sự thắng lợi của cuộc cách mạng là việc Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn đúng thời điểm tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa.

Sau nhiều năm chuẩn bị lực lượng cách mạng để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc thì thời cơ cách mạng đã xuất hiện. Đó là, ngày 9-3-1945, phát xít Nhật đảo chính quân Pháp. Lúc này, Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhanh chóng đưa ra những nhận định về thời cơ khởi nghĩa đang đến rất gần và ra Chỉ thị: “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Đảng quyết định phát động cao trào kháng Nhật cứu nước. Đến tháng 7-1945, phát xít Đức, Ý đã thất bại trên chiến trường châu Âu. Ở châu Á, phát xít Nhật đang trên đường thảm bại. Đảng ta khẳng định tình thế cách mạng đã xuất hiện, đây là cơ hội giải phóng dân tộc nghìn năm có một: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”^[1]. Mặc dù lãnh tụ Hồ Chí Minh đang ốm nặng giữa rừng Tân Trào, nhưng Người vẫn chỉ thị: “Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được tự do, độc lập”^[2]. Cả dân tộc ta theo tiếng gọi của Người, nhất tề đứng lên khởi nghĩa, chỉ trong gần một tháng, tất cả các địa phương trong cả nước đã giành được thắng lợi, thành lập chính quyền nhân dân, mở ra một thời đại mới cho dân tộc quá độ lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Có thể khẳng định, thành công lớn nhất của khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám là Đảng ta đã chọn đúng thời cơ “nở ra đúng lúc”. Đó là

lúc 16 nghìn quân Anh chưa vào miền Nam và khi 20 vạn quân Tưởng chưa vào miền Bắc để giải giáp quân Nhật; quân Nhật bại trận mất tinh thần, hoang mang, rệu rã ngồi chờ quân Đồng minh đến tước vũ khí; còn chính quyền bù nhìn tay sai Trần Trọng Kim thì bỏ trốn hoặc đầu hàng chính quyền cách mạng. Do chọn đúng thời cơ nên sức mạnh của toàn dân ta được nhân lên gấp bội, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước một cách nhanh, gọn, ít đổ máu và thành công triệt để. Đồng thời, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 là do lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nhanh chóng và kịp thời chuyển hướng chiến lược cách mạng. Sự chủ động và nhạy bén đó bắt nguồn từ bản chất cách mạng, đường lối, quan điểm đúng đắn, trí tuệ tập thể của Đảng. Thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945 là minh chứng sinh động về sự vận dụng sáng tạo quy luật vận động phát triển của khởi nghĩa và cách mạng, khôn khéo trong nghệ thuật chỉ đạo chớp thời cơ giành thắng lợi; chứng tỏ tầm nhìn thời đại của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bây mươi hai năm đã trôi qua, nhưng bài học về chọn đúng thời cơ cách mạng để giành chính quyền của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, vẫn còn nguyên giá trị thời sự. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã tác động mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra từ những năm 2000 của thế kỷ XX gọi là cuộc cách mạng số, thông qua các công nghệ như Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, tương tác thực tại ảo, mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn... để chuyển hóa toàn bộ thế giới thực thành thế giới số.

Cuộc cách mạng này, nó mở ra cơ hội phát triển rất lớn cho các nước đi sau, trong đó có Việt Nam có thể nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nhưng hiện nay, vấn đề đặt ra Việt Nam có tận dụng, tranh thủ được những cơ hội, thời cơ vàng mà cuộc cách mạng công nghiệp số 4.0 mang lại như thế nào, để thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hay không là phụ thuộc vào chính chúng ta chứ không ai khác. Nếu Việt Nam không tận dụng tốt thời cơ cuộc cách mạng này, thì chắc chắn sẽ tụt hậu so với sự phát triển của thời đại, bởi đó là quy luật tất yếu, khách quan của sự phát triển nhân loại.

Việt Nam quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ một nước nông nghiệp, với trình độ lực lượng sản xuất còn thấp, thì cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay là thời cơ hết sức thuận lợi để có thể thúc đẩy nhanh việc nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp phát triển nhanh và bền vững đất nước. Để tận dụng tốt cơ hội cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, từ bài học chọn thời cơ để tiến hành khởi nghĩa giành thắng lợi trong cuộc cách mạng tháng Tám 1945, có thể rút ra một số bài học như sau.

Thứ nhất, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là yếu tố quan trọng, bởi sự thích ứng, tận dụng thời cơ của mỗi người dân Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp này, sẽ quyết định đến sự thành công xu hướng phát triển dân tộc. Do vậy, mỗi người dân hãy tự trang bị, nâng cao trình độ cho mình để cùng góp sức thúc đẩy quá trình phát triển của đất nước. Người Việt Nam rất giỏi phát động một cuộc cách mạng toàn dân. Nếu mình làm cuộc cách mạng 4.0 là một cuộc cách mạng toàn dân thì là lợi thế của Việt Nam.

Thứ hai, phát huy tính ham học hỏi, sáng tạo, cần cù của lao động, đặc biệt là sự sáng tạo của người Việt Nam. Trong cuộc cách mạng này, ý tưởng sáng tạo đóng vai trò rất quan trọng, chúng ta chỉ giành thắng lợi thế khi phát huy được những ý tưởng sáng tạo của chính con người Việt Nam mà thôi.

Thứ ba, phải tạo ra cơ chế chính sách, pháp lý linh hoạt, đầy đủ, đúng quy định, để góp phần đưa những ý tưởng sáng tạo của con người Việt

Nam, từ ý tưởng tới hiện thực một cách nhanh chóng phục vụ cho sự phát triển của đất nước. Bởi trong cuộc cách mạng này, muốn hay không muốn nó vẫn diễn ra một cách khách quan, nếu Đảng và Nhà nước không tạo dựng được các yếu tố thuận lợi nhất là cơ chế chính sách thì chúng ta không thể tận dụng sự phát triển đó mang lại.

Thứ tư, phải chủ động xây dựng kết cấu hạ tầng tốt, thực hiện đi tắt đón đầu để khi thời cơ đến, chúng ta chủ động đón nhận một cách có hiệu quả mà cuộc cách mạng công nghiệp này mang lại.

Thứ năm, phải tranh thủ thời cơ, cơ cấu dân số vàng hiện nay, để đào tạo được đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy sáng tạo, thích ứng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Cuộc cách mạng này, nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quyết định xu hướng phát triển của đất nước. Bởi trong cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư, những yếu tố mà các nước như Việt Nam đã và đang tự coi là có ưu thế như lực lượng lao động trẻ, dồi dào sẽ không còn là thế mạnh nữa, thậm chí bị đe dọa nghiêm trọng.

Thứ sáu, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế, để tranh thủ ngoại lực, học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới. Đây là yếu tố rất không thể thiếu được, bởi trong cuộc cách mạng công nghiệp này sự kết nối các hoạt động của mỗi người dân, chính phủ giữa các dân tộc - quốc gia là yếu tố mở nó không dừng lại ở biên giới lãnh thổ trong một quốc gia mà là sự kết nối toàn cầu một cách rất dễ dàng...

Cuộc cách mạng tháng Tám đã đưa dân tộc ra thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của thực dân phong kiến, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lên những người làm chủ đất nước. Hiện nay, chúng ta tin tưởng rằng với những chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, thì sẽ tận dụng tốt những thời cơ mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại, sẽ đưa dân tộc ta lên một bước phát triển mới, hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

T.V.B

[1] Hồ Chí Minh: Tuyển tập, t.1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.348.

[2] Võ Nguyên Giáp: Những chặng đường lịch sử, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.196.

❖ *Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

❖ Hoàng Thị Như Quỳnh

Hồ Chí Minh vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, nhà báo cách mạng vĩ đại, người khai sinh và đặt nền móng cho báo chí cách mạng Việt Nam. Người tự nhận mình là nhà báo, nhưng cao hơn hết là nhà cách mạng, Bác xem báo chí là phương tiện để vận động, tập hợp lực lượng cách mạng, tổ chức thực hiện mục tiêu cách mạng một cách nhanh chóng, sâu rộng, hiệu quả nhất. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: Cây bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ hịch cách mạng động viên quần chúng đoàn kết, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Nhân kỷ niệm 92 năm ngày báo chí cách mạng Việt Nam 21/6/1925 - 21/6/2017 chúng ta cùng nhau suy ngẫm về những đóng góp to lớn của Người đối với sự nghiệp báo chí cách mạng nước ta.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ luôn dành thời gian, tâm huyết cho hoạt động báo chí và coi báo chí là một phương tiện không thể thiếu để phục vụ cho hoạt động này. Người cho rằng, hoạt động báo chí là một trong những cách thức có hiệu quả để thực hiện lý tưởng, hoài bão và các nhiệm vụ cách mạng; triển khai những chủ trương, đường lối, chính sách và công việc theo tôn chỉ mục đích của tổ chức cách mạng. Vì vậy, Người đã viết báo rồi lập các cơ quan báo chí do chính mình trực tiếp chỉ đạo và là người khơi nguồn cho báo chí cách mạng Việt Nam ngay từ những năm đầu của chuyến hành trình bôn ba tìm đường cứu nước. Lúc đầu do vốn ngôn ngữ chưa đủ để viết báo nhưng với tinh thần quyết tâm cao, Bác đã tự học tiếng nước ngoài và học làm báo; Những ngày đầu mới viết Người chỉ viết những mẩu tin, bài, tư liệu tản mạn có chủ đề nhỏ, sau đó Bác viết thành các bài có chủ đề lớn, tập trung.

Trong thời gian ở nước ngoài Người đã sáng lập và viết rất nhiều tờ báo xuất bản công khai hoặc bí mật nhằm tập trung vào vấn đề cơ bản là truyền bá tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, chuẩn bị cơ sở lý luận và thực tiễn cho thành lập một đảng cộng sản

kiểu mới đủ khả năng, bản lĩnh chính trị lãnh đạo nhân dân nổi dậy phá tan ách nô lệ của thực dân Pháp, giành quyền độc lập, tự do, hạnh phúc, hòa bình cho dân tộc Việt Nam, đưa nước ta tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Năm 1919, Bác viết và gửi đến Hội nghị các nước thắng trận trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất tại Versailles bản yêu sách 8 điểm đòi quyền lợi cho nhân dân Việt Nam - đây là bài viết nổi tiếng đầu tiên của Bác được cơ quan ngôn luận Đảng Xã hội Pháp đăng dưới nhan đề “Quyền các dân tộc”. Năm 1922, khi đang hoạt động cách mạng ở Pháp, Bác sáng lập tờ báo Người cùng khổ (Le Paria). Tháng 11/1924, Bác về Quảng Châu (Trung Quốc) tổ chức huấn luyện cán bộ cách mạng, thành lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội với báo Thanh Niên là cơ quan ngôn luận, Bác đã trực tiếp chỉ đạo, biên tập và viết nhiều bài chính luận.

Ngoài việc sáng lập, tổ chức hoạt động các tờ báo và cộng tác viết báo, Bác còn đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp phát triển báo chí cách mạng Việt Nam, việc đào tạo đội ngũ cán bộ làm báo theo Bác: Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Vì [Xem tiếp trang 32](#)

MẠN BÀN VỀ “THAM VỌNG QUYỀN LỰC”

❖ *ThS Lê Quang Sơn*

Ngày 4/8/2017, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thay mặt Bộ Chính trị ký ban hành Quy định số 89 - QĐ/TW về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp; Quy định số 90-QĐ/TW về Quy định tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Trong tiêu chuẩn đạo đức lối sống có quy định: “Tuyệt đối không tham vọng quyền lực”.

Vậy quyền lực là gì? Tại sao không được tham vọng quyền lực và nếu tham vọng quyền lực thì gây tác hại gì?

Quyền lực là gì? Xét về từ ngữ, “quyền lực” bao gồm 2 thành tố quyền và lực. “Quyền” là sự thừa nhận. Sự thừa nhận đó được quy định trong pháp luật, xã hội, phong tục, tập quán, niềm tin. “Lực” là sức mạnh. Quyền lực là sự thừa nhận về sức mạnh. Sức mạnh đó buộc đối tượng của quyền lực phải thực thi những điều mà chủ thể của quyền lực mong muốn.

Trong xã hội luôn tồn tại quyền lực. Quyền lực thể hiện sự tác động giữa người với người trong các mối quan hệ khác nhau. Cứ có hai người trở lên trong một mối quan hệ công việc ắt có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, dựa vào nhau. Như vậy xuất hiện quan hệ lãnh đạo và chịu sự lãnh đạo, đồng thời với nó là xuất hiện quyền lực. Quyền lực giữ cho mối quan hệ đó được đảm bảo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chung. Quyền lực trong xã hội tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau: quyền lực kinh tế, quyền lực xã hội, quyền lực văn hóa, quyền lực tôn giáo, quyền lực gia đình... Trong đó quyền lực chính trị là quan trọng nhất.

Quyền lực chính trị là một dạng của quyền

lực trong xã hội có giai cấp. Đó là quyền lực của một giai cấp, một tập đoàn xã hội hay của nhân dân. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, đó là sự thể hiện “khả năng của một giai cấp thực hiện lợi ích khách quan của mình”. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin quan niệm rằng, quyền lực chính trị là bạo lực có tổ chức của giai cấp để đàn áp một giai cấp khác. Như vậy, quyền lực chính trị luôn gắn liền với quyền lực nhà nước, phản ánh mức độ giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước của những tập đoàn người trong xã hội để bảo vệ lợi ích của mình, chi phối các tập đoàn khác. Nói cách khác, quyền lực chính trị phản ánh mức độ thực hiện lợi ích của một giai cấp, một nhóm người nhất định trong mối quan hệ với các giai cấp hay nhóm người khác thông qua mức độ chi phối quyền lực nhà nước.

Quyền lực chính trị là quyền quyết định mọi công việc quan trọng về chính trị và sức mạnh để bảo vệ thực hiện quyền ấy. Chính trị là vấn đề quan trọng của một quốc gia xoay quanh mối quan hệ giữa các giai cấp, dân tộc, tôn giáo, các vấn đề đối nội, đối ngoại trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước.

Trong các thể chế dân chủ, chủ thể của quyền lực chính trị là thuộc về nhân dân. Nhưng nhân dân lại không phải là người trực tiếp thực hiện quyền lực chính trị mà nhân dân ủy quyền thông qua con đường bầu cử cho các tổ chức và các cá nhân thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực này để phục vụ lợi ích của nhân dân.

Ở nước ta, quyền lực chính trị là thuộc về nhân dân. Nhân dân trao cho Quốc hội giữ quyền lực nhà nước cao nhất. Quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công phối hợp và kiểm soát giữa ba quyền: lập pháp,

hành pháp và tư pháp. Quyền lực chính trị thực chất là quyền lực công. Mục đích của quyền lực công là nhằm để tổ chức và điều hành xã hội trong khuôn khổ nhất định nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho các thành viên trong xã hội. Quyền lực chính trị được thể hiện ở việc đưa ra các quyết định chính trị, tức là xác định các nhiệm vụ chính trị, xây dựng tổ chức, bố trí con người, huy động các nguồn lực để xây dựng và phát triển xã hội. Như Bác Hồ đã khẳng định: „nước ta là nước dân chủ bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Quyền lực chính trị có vai trò to lớn trong tổ chức, điều hành và điều phối các nguồn lực của đất nước nhằm thực hiện mục tiêu chính trị đã xác định. Vai trò của việc sử dụng quyền lực chính trị được thể hiện trước hết, đó là bảo đảm tính định hướng mục tiêu và hoạt động của tổ chức. Mục tiêu của tổ chức thể hiện ở tính định hướng, tầm nhìn và kết quả đạt được trong tương lai. Quyền lực chính trị định hướng mọi hoạt động theo mục tiêu, đảm bảo không xa rời hoặc chệch hướng mục tiêu, tạo sự kiên định, giữ vững niềm tin trong tổ chức. Thứ hai, duy trì mối quan hệ của tổ chức. Nhờ có quyền lực chính trị mà mối quan hệ cấp trên với cấp dưới, quan hệ giữa cá nhân và tổ chức, quan hệ bên trong và bên ngoài tổ chức được xác định và vận hành theo các định chế nhất định. Các mối quan hệ chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền cá nhân trong tổ chức được xác định rõ ràng. Mọi quan hệ đó thể hiện cơ chế vận hành của quyền lực chính trị. Thứ ba, quyền lực chính trị có vai trò quyết định trong việc huy động và phân bổ các nguồn lực nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị. Các nguồn lực đó bao gồm tài nguyên thiên nhiên, đất đai, khoáng sản, nhà xưởng, máy móc, thiết bị, khoa học, công nghệ, tài chính, ngân sách, thể chế, pháp luật, con người... Đó là các nguồn lực công hay còn gọi là công sản của một quốc gia. Thứ tư, là phân

phối sản phẩm. Đây chính là khâu phân chia lợi ích. Quyền lực chính trị là việc tổ chức quyền lực công, vì thế mục đích là hướng đến thỏa mãn ngày càng tốt hơn các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Xã hội ta là một xã hội do nhân dân làm chủ, cho nên vấn đề chăm lo lợi ích của đa số quần chúng nhân dân lao động luôn được Đảng ta quan tâm và lãnh đạo.

Trong các quan hệ xã hội, con người vừa là một thực thể tự nhiên, vừa là một thực thể xã hội. Vì thế, nhu cầu của con người cũng luôn đa dạng, phát triển từ thấp đến cao và đan xen nhau. Theo Maslow, nhu cầu của con người bao gồm các nhu cầu cơ bản và các nhu cầu bậc cao. Nhu cầu cơ bản liên quan đến các yếu tố thể lý của con người như mong muốn có đủ thức ăn, nước uống, được ngủ nghỉ... Những nhu cầu cơ bản này đều là các nhu cầu không thể thiếu hụt vì nếu con người không được đáp ứng đủ những nhu cầu này, họ sẽ không tồn tại được nên họ sẽ đấu tranh để có được và tồn tại trong cuộc sống hàng ngày.

Các nhu cầu cao hơn nhu cầu cơ bản trên được gọi là nhu cầu bậc cao. Những nhu cầu này bao gồm nhiều nhân tố tinh thần như sự đòi hỏi công bằng, an tâm, an toàn, vui vẻ, địa vị xã hội, sự tôn trọng, vinh danh với một cá nhân... Trong nhu cầu bậc cao này, có nhu cầu được cống hiến, tức là nhu cầu được tham gia các hoạt động chính trị xã hội. Nhu cầu có được quyền lực chính trị để thỏa mãn nhu cầu được cống hiến vì sứ mệnh chung của cộng đồng, giai cấp, quốc gia, dân tộc... Như vậy nhu cầu này là chính đáng và cao cả.

Để thỏa mãn nhu cầu này, mỗi một cá nhân trong xã hội, trong một giai cấp nhất định phải không ngừng hoàn thiện bản thân để giai cấp mình và các tầng lớp nhân dân lựa chọn bầu vào trong các vị trí lãnh đạo tương xứng với cái tâm, cái tầm và cái tài của cá nhân đó.

Quyền lực chính trị là điều kiện để thực

hiện nhiệm vụ được giao. Có chức trách và nhiệm vụ nhưng không có quyền lực thì không thể hoàn thành nhiệm vụ. Cán bộ lên mỗi một vị trí cao hơn, tương ứng với nó là chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn tương ứng. Cán bộ cấp Trung ương quản lý là đội ngũ cán bộ nắm giữ quyền lực chính trị rất lớn. Những quyết định và hoạt động của đội ngũ cán bộ này có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển của đất nước và đời sống của nhân dân. Để lựa chọn và đánh giá đội ngũ cán bộ này, Trung ương ban hành tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Trong đó, nhấn mạnh đến việc “Tuyệt đối không tham vọng quyền lực”. Quyền lực là cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, nhưng không được tham vọng. Bởi vì, tham vọng thể hiện lòng ham muốn, mong ước quá lớn, vượt quá khả năng thực tế của bản thân, nếu nhờ tài năng và đức độ thì khó có thể đạt được.

Vậy, tham vọng quyền lực gây hại gì? Trong kinh nhà Phật, “Tham” thuộc Tam độc (ba cái độc hại: tham, sân si) “Tham” là tham lam. Ham muốn thái quá. Đắm say, thích thú muốn có nhiều những thứ mình ưa thích như tiền tài, sắc đẹp, danh vọng... Lòng ham muốn không có giới hạn, càng được thì càng ham muốn thêm. Tham cho mình, rồi tham cho cả gia đình, bà con quyến thuộc. Tham vọng quyền lực là ham muốn quyền lực đến mê muội. Tham lam thì tâm không tĩnh, luôn luôn lay động, nghĩ trăm phương, ngàn kế để đạt được không từ thủ đoạn nào. Từ đó mới sinh ra chạy chức, chạy quyền... Cũng vì lòng tham, mà ganh ghét lẫn nhau, mâu thuẫn, đấu đá nội bộ. Kẻ tham hay ghen ghét những người thành tựu, hãm hại để leo lên. Mục đích của tham vọng quyền lực không phải là để phục vụ nhân dân, mà là để phục vụ những nhu cầu thấp hèn của cá nhân. Đó là sự suy thoái quyền lực chính trị, biến quyền lực công thành quyền lực tư.

Như vậy, lần đầu tiên, Bộ Chính trị ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Trong đó có một điểm khiến dư luận rất quan tâm đó là quy định “Tuyệt đối không được tham quyền lực”. Đây cũng là một nội dung trong Nghị quyết Trung ương 4, Khóa XII, một trong 9 biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị: “Tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức; kén chọn chức danh, vị trí công tác; chọn nơi có nhiều lợi ích, chọn việc dễ, bỏ việc khó; không sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn. Thậm chí còn tìm mọi cách để vận động, tác động, tranh thủ phiếu bầu, phiếu tín nhiệm cho cá nhân một cách không lành mạnh”.

Để thực hiện quy định của Đảng, không chỉ đối với cán bộ cấp Trung ương quản lý, mà là cả đội ngũ cán bộ các cấp của Đảng, của Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị phải căn cứ vào tiêu chuẩn các chức danh mà phấn đấu, không ngừng lao động, học tập và rèn luyện để có được uy tín trong tổ chức, trong quần chúng nhân dân, để được nhân dân tin yêu, lựa chọn bầu vào các vị trí lãnh đạo xứng đáng với những nỗ lực cống hiến của mình. Đó chính là điểm tương đồng, là mục tiêu của cá nhân đồng thời là cái đích của công tác cán bộ của Đảng.

Đối với các tổ chức Đảng, không ngừng kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn các chức danh cán bộ, thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, bảo đảm đúng nguyên tắc, đúng nội dung, đúng quy trình trong công tác cán bộ. Trong nội dung đánh giá cán bộ phải lấy tiêu chuẩn, kết quả, hiệu quả công tác làm thước đo việc việc hoàn toàn thành chức trách nhiệm vụ được giao. Kiên quyết không bỏ nhiệm những cán bộ không có thành tích thực tiễn./ L.Q.S

❖ *Trường khoa Dân Vận*

GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

❖ ThS Nguyễn Văn Phước

Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách con người, là nơi bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc là mục tiêu của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và của mỗi người dân.

Sinh thời Bác Hồ từng nói: *“Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân xã hội là gia đình”*. Những lời của Bác là kim chỉ nam cho toàn Đảng, toàn dân noi theo thực hiện. Thực hiện lời của Bác, ngày 28 tháng 6 năm 2000, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 55-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng của cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Thể chế hóa chủ trương của Đảng, ngày 04 tháng 5 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 72/2001/QĐ-TTg về ngày Gia đình Việt Nam. Hàng năm, lấy ngày 28/6 là ngày *“Gia đình Việt Nam”*, nhằm đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và của mỗi gia đình cần phải thường xuyên quan tâm, giúp đỡ, chăm sóc nhau và giáo dục trẻ em thành những công dân tốt, để mỗi gia đình thực sự là tế bào của xã hội.

Ngày nay, đất nước đang bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thời kỳ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin. Dưới tác động của công nghệ thông tin đã làm thay đổi mạnh mẽ đến đời sống của mỗi người, làm ảnh hưởng rất lớn đến tế bào của

xã hội. Sự giao lưu, hội nhập công nghệ giữa các quốc gia đã mang đến cho mỗi người, mỗi gia đình nhiều cơ hội ứng dụng thiết thực và cũng nhiều thách thức trong đời sống hàng ngày.

Trong thực tế, thông qua ứng dụng công nghệ thông tin thì mỗi người, mỗi gia đình có thể kết nối với nhau, kết nối với những người bạn ở nơi rất xa. Các thành viên trong gia đình có thể lựa chọn nhiều loại hình giải trí phù hợp như: đọc tin, xem phim, nghe nhạc, chơi game, chuyện trò, chia sẻ thông tin với nhau... Mỗi người có thể tìm kiếm những thông tin hữu ích thông qua mạng Internet để phục vụ công việc, hay ứng dụng những công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp... phục vụ cuộc sống hàng ngày. Trước đây, chúng ta hay liên lạc theo cách truyền thống, bằng điện thoại theo cách thông thường hay gửi tin nhắn chỉ có nội dung văn bản thì giờ đây, trên các thiết bị thông minh có kết nối Internet thì chúng ta có thể trò chuyện với bạn bè, người thân ở nơi rất xa, giống như đang đối mặt. Bằng những thao tác đơn giản trên máy vi tính, những ông bố, bà mẹ thực hiện công việc một cách nhanh chóng mà trước đây phải mất rất nhiều thời gian. Mặc khác, thông qua công nghệ thông tin thì trẻ em cũng có thể sử dụng Internet làm phương tiện học tập hay chơi các trò chơi mang tính giáo dục, rèn luyện khả năng tư duy, cũng như học hỏi nhiều kiến thức...

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự phát triển và lan toả mạnh mẽ của công nghệ thông tin cũng gây ảnh hưởng không ít tiêu cực đến mỗi chúng ta, đến từng gia đình. Công nghệ thông tin đã vô hình trở thành tác nhân phá vỡ sự liên kết trong gia đình, khiến cho mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình trở nên lạnh nhạt hơn. Trước kia, giờ cơm

tôi là lúc gia đình quây quần bên nhau, bố mẹ hỏi han chuyện học hành của con cái, hay kể cho nhau những chuyện buồn vui xảy ra trong ngày để cùng chia sẻ. Còn bây giờ, sau thời gian làm việc, học tập mệt mỏi, họ vẫn quây quần bên bữa cơm, nhưng lại vừa ăn vừa dán mắt vào màn hình Tivi, vào điện thoại thông minh, vào các thiết bị công nghệ... chiếc smartphone gần như trở thành vật bất ly thân và sau khi dùng bữa xong, mỗi thành viên lại dùng những thiết bị đó để phục vụ cho những nhu cầu giải trí riêng của mình. Những cuộc chuyện trò cứ vì vậy mà ít dần đi, sự lắng nghe, chia sẻ để hiểu nhau hơn cũng không còn. Mỗi người trong gia đình không còn tâm sự với nhau những vấn đề gặp phải trong cuộc sống. Gia đình không còn là mái ấm yêu thương mà lại trở thành nơi để ứng dụng những thành tựu công nghệ. Mỗi thành viên chìm đắm trong không gian riêng của mình, để kết nối với thế giới bên ngoài ít kết nối các thành viên trong gia đình. Cứ như vậy, ngày càng khiến tình cảm dần lạnh nhạt, khô cứng, mỗi người không còn quan tâm với nhau, hạnh phúc gia đình cũng dần suy giảm.

Mặc khác, sự lạm dụng công nghệ thông tin cũng gây ảnh hưởng cả đến thể chất, tinh thần, lối sống và thói quen sinh hoạt của các thành viên trong gia đình. Thời gian dành cho việc sử dụng các thiết bị này đã chiếm hết thời gian dành cho các hoạt động vui chơi bạn bè, rèn luyện thể chất, giao tiếp xã hội, thăm hỏi họ hàng... Những thiết bị công nghệ đã khiến các thành viên gia đình có xu hướng thức khuya và ngủ muộn hơn chỉ để thực hiện những việc như: chơi game, xem phim... hay giao tiếp với bạn bè qua mạng xã hội. Chính vì vậy, nó làm suy giảm sức khỏe cả thể chất lẫn tinh thần, có những hành động mang tính bạo lực, ảnh hưởng đến công việc cũng như ảnh hưởng cả tới những mối quan hệ xã hội bên ngoài và nhiều cặp vợ chồng ly hôn cũng xuất phát từ những tin nhắn, mạng xã hội.

Đồng thời, công nghệ thông tin còn có tác động xấu tới trẻ em, tương lai của mỗi gia đình. Ngày nay, trẻ em được tiếp cận với những thiết bị thông minh từ rất sớm và sử

dụng hàng ngày, dần biến nó trở thành một vật dụng không thể thiếu được và trở thành nghiện thiết bị. Nhiều ông bố, bà mẹ coi đây là một cách để dỗ dành hay giữ cho trẻ ngồi yên, không chạy nhảy, đùa nghịch, phá phách, để mình yên tâm làm việc khác; hoặc cũng có những người dùng nó làm phần thưởng để dỗ khi trẻ em không nghe lời. Người lớn chỉ cần đưa cho trẻ em một chiếc smartphone hay máy tính bảng là họ hoàn toàn có thể thực hiện công việc mà trẻ em không làm phiền. Nhưng làm như vậy khiến cho các bé sau này luôn lầy đó ra làm thứ để mặc cả và ngày càng khó bảo hơn, nếu không có thì sẵn sàng gào khóc đòi cho bằng được, nếu bị bắt ngừng chơi thì gất gỏng, thậm chí còn cãi lại. Sự thiếu quản lý về thời gian của bố mẹ dẫn đến việc trẻ sử dụng quá nhiều, tới mức bị nghiện, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tương lai của chúng sau này. Nếu, chúng ta để trẻ em lệ thuộc vào các thiết bị thông minh quá sớm sẽ làm cho trẻ thiếu tính thực tế, suy nghĩ lệch lạc, nguy cơ tự kỉ rất cao, sống khép kín, sẽ có những hành động bạo lực, sẽ trở thành những em bé công nghệ... sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển cả thể chất lẫn tinh thần cho trẻ và ảnh hưởng đến sự phát triển tương lai sau này.

Như vậy, trong thời đại công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ như hiện nay đã mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình chúng ta và kèm theo đó là những tác hại khó lường. Nhưng xét cho cùng, ứng dụng công nghệ thông tin, các thiết bị thông minh cũng chỉ là công cụ để phục vụ cho đời sống của mỗi người, mỗi gia đình. Vì vậy, mỗi chúng ta, nhất là các thành viên trong gia đình cần có những hiểu biết, kiến thức và sử dụng các thiết bị công nghệ một cách thiết thực, phù hợp, ứng dụng thiết thực cho cuộc sống của mình. Mỗi gia đình cần hiểu rõ, nhận thức đúng về lợi ích, cũng như những tác hại của công nghệ thông tin gây ra, từ đó nên sử dụng lúc nào và khi nào. Người lớn cần hướng dẫn và chỉ bảo con em mình sử dụng công nghệ thông tin, các thiết bị thông minh trong trường hợp nào, lúc nào mới sử dụng; cần dành nhiều thời gian quan tâm, trò *Xem tiếp trang 30*

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, GÓP PHẦN XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VỮNG MẠNH

❖ ThS Nguyễn Thị Bảy

Những người hoạt động không chuyên trách (KCT) cấp xã là đội ngũ dự bị, nguồn quan trọng để bổ sung, hoàn thiện đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; là lực lượng luôn song hành cùng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong việc làm “cầu nối” giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, trực tiếp tham gia vào các hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở và có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, cả trên phương diện lý luận và thực tế, hoạt động của đội ngũ KCT còn nhiều bất cập đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện để phát huy được vai trò của người hoạt động KCT cấp xã, góp phần xây dựng chính quyền địa phương vững mạnh.

Xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện mọi chủ trương đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong thực tế. Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có được thực thi tốt hay không, có hiệu quả hay không một phần quyết định là ở cấp xã. Mọi hoạt động của chính quyền cấp xã đều do cán bộ, công chức cấp xã thực hiện. Do đó, cán bộ, công chức cấp xã là một bộ phận không thể thiếu trong đội ngũ cán bộ, công chức ở nước ta. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và nhà nước, những qui định về cán bộ, công chức cấp xã dần được hoàn thiện. Đó cũng là nguồn động viên rất lớn để đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tích cực phát huy được vai trò của mình là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên cả trên lý luận và thực tế, hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức nói chung, những người hoạt động KCT nói riêng vẫn còn nhiều bất cập đòi hỏi tiếp tục được hoàn thiện để phát huy được vai trò của mình, góp phần cùng địa phương hoàn thành nghĩa vụ đối với cả nước. Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ đề cập đến một đối tượng cụ thể là

những người hoạt động KCT ở cấp xã.

Những người hoạt động KCT ở cấp xã là cầu nối giữa chính quyền với dân. Họ là những người tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của các địa phương.

Thế nhưng, về mặt lý luận, cấp xã là một cấp chính quyền nhưng những người hoạt động KCT ở cấp xã không được nhắc đến trong Luật Cán bộ, công chức 2008- văn bản có giá trị pháp lý cao, đang có hiệu lực thi hành- mà lại được quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTĐBXH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP nói trên. Trong nghị định này chỉ có 3 điều (từ điều 13- điều 15) qui định về những người hoạt động KCT. Thế nhưng Nghị định cũng không nêu cụ thể những người hoạt động KCT ở cấp xã là ai, làm những công việc cụ thể nào, giữ chức vụ, chức danh nào ở địa phương mà chỉ qui định số lượng tùy thuộc vào đơn vị cấp xã: Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người;

Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người; Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người (Điều 13). Hội đồng nhân dân cấp tỉnh qui định chức danh, mức phụ cấp cụ thể của từng chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh; mức khoán kinh phí chi trả phụ cấp đối với những người hoạt động KCT theo loại đơn vị hành chính cấp xã, loại thôn, tổ dân phố phù hợp quy định (Khoản 3- Điều 14). Những người hoạt động KCT chỉ được hưởng phụ cấp hằng tháng do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định, nhưng không quá 1.0 (bậc 1) mức lương tối thiểu chung và không thuộc diện đóng BHXH bắt buộc.

Trên cơ sở qui định như vậy, địa phương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau có văn bản qui định riêng về những người hoạt động không chuyên trách riêng cho địa phương mình. Các chức danh đó có nơi là 18, có nơi là 19 chức danh tùy theo từng địa phương, bao gồm: Phó trưởng Công an xã, Phó chỉ huy trưởng Quân sự, Chủ tịch Hội người cao tuổi, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ, Phó các tổ chức chính trị- xã hội ở địa phương, cán bộ văn thư- lưu trữ- thủ quỹ, những người làm công tác đảng ở xã và một số chức danh khác... Họ chỉ tham gia việc công trong một phần thời gian lao động, không hưởng lương từ ngân sách mà chỉ hưởng phụ cấp theo quy định.

Với việc qui định những người hoạt động KCT ở cấp xã như thế có thể thấy về mặt lý luận và thực tiễn đặt ra mấy vấn đề sau:

Thứ nhất, về tên gọi “những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã”:

Trước đây, khi chưa có văn bản thống nhất quy định về cán bộ, công chức thì tất cả những người làm việc trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội đều được gọi chung “cán bộ” hoặc “cán bộ công chức”. Khi pháp lệnh cán bộ công chức năm 1998 ra đời thì thống nhất tên gọi là: cán bộ công chức. Năm 2003, Chính phủ ban hành Nghị định 121/2003/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã, chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã và cán bộ thôn và tổ dân phố. Nghị định này lần đầu tiên

tách bạch “cán bộ, công chức cấp xã” với những “người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã” và sử dụng thuật ngữ “cán bộ không chuyên trách ở cấp xã”. Tuy nhiên khi Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 ra đời, tại khoản 4- Điều 84 có qui định: “*Chính phủ quy định khung số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã*”. Như vậy Luật cán bộ công chức 2008 sử dụng thuật ngữ: “*những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã*” và Nghị định 92/2010/NĐ-CP (thay thế Nghị định 121/2003/NĐ-CP) đã cụ thể hóa qui định trên. Chính phủ sử dụng thuật ngữ “những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã” để phù hợp và thống nhất với Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

Trong khi đó, Nghị quyết TW5 khoá IX về “*Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*” đã sử dụng thuật ngữ “cán bộ không chuyên trách”. Nghị quyết ghi rõ: “*Cán bộ không chuyên trách là những người chỉ tham gia việc công trong một phần thời gian lao động. Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung về số lượng và mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách trong hệ thống chính trị ở cấp cơ sở*”. Như vậy về mặt thuật ngữ, giữa văn bản của Đảng và văn bản của nhà nước là chưa thống nhất. Văn bản của Nhà nước phải thể chế hóa đúng quan điểm của Đảng là: “cán bộ không chuyên trách”.

Về mặt thực tế, việc sử dụng thuật ngữ “những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã” sẽ tạo nên tâm lý phân biệt giữa những người làm việc tại cấp xã vì cán bộ, công chức cấp xã được gọi là “cán bộ, công chức” trong khi đó nhóm đối tượng còn lại được gọi là “những người”. Do đó việc xác định tên gọi cũng như khái niệm về “những người hoạt động không chuyên trách” cũng nên cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Nghị quyết TW 5, đảm bảo phù hợp với mong muốn và nguyện vọng của nhóm đối tượng này trên thực tế.

Thứ hai, về nhiệm vụ, quyền hạn của “những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã”. Trong các văn bản của các cơ quan



(Ảnh minh họa, nguồn internet)

nhà nước ở trung ương nói trên, không những chưa có văn bản nào qui định cụ thể về chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà cũng chưa có qui định cụ thể nào về nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng này. Việc không qui định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sẽ không có cơ sở pháp lý cho đối tượng này làm việc và theo đó cũng sẽ rất khó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như qui kết trách nhiệm khi có sự cố xảy ra.

Về mặt thực tiễn, trên cơ sở qui định của địa phương, tính chất công việc của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nhất là cấp phó của người đứng đầu của các tổ chức chính trị xã hội cũng giống như công việc của người đứng đầu các tổ chức này (là cán bộ cấp xã). Không ít trường hợp cấp phó thay thế cấp trưởng một thời gian dài, đề cấp trưởng đi đào tạo dài hạn, đào tạo cho đạt chuẩn và thường xuyên đi hội họp. Mặt khác, có nhiều xã, vì yêu cầu công việc, buộc người hoạt động KCT phải thực hiện giờ giấc làm việc trong ngày giống như cán bộ, công chức. Do đó, pháp luật cũng phải kịp thời hoàn thiện qui định về nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng này, tạo điều kiện thuận lợi cho họ làm việc.

Thứ ba, về chế độ chính sách đối với những người hoạt động KCT ở cấp xã.

+ Trước hết, bàn về mức phụ cấp: Vai trò, trọng trách được giao rất lớn, tuy nhiên quyền lợi được hưởng của đội ngũ những người hoạt

động KCT lại chưa tương xứng. Theo qui định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH thì những người hoạt động KCT chỉ được hưởng phụ cấp hằng tháng do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định, nhưng không quá 1.0 (bậc 1) mức lương tối thiểu chung và không thuộc diện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Như vậy, mức phụ cấp của những người hoạt động KCT ở cấp xã theo qui định hiện nay là khoảng 1,3 triệu đồng/tháng, thấp hơn rất nhiều so với cán bộ chuyên trách và công chức ở địa phương.

Trên thực tế ở nhiều địa phương, bắt đầu từ ngày 01/01/2016, những người hoạt động KCT ở cấp xã đã được đóng bảo hiểm và địa phương cũng linh động tạo điều kiện cho một số người trong đối tượng này được kiêm nhiệm thêm công việc khác (nhưng không quá hai việc và hưởng không quá 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm) để có thêm thu nhập, cải thiện cuộc sống. Thế nhưng trong điều kiện những người hoạt động KCT đa phần tuổi đời còn trẻ, đóng vai trò “trụ cột” gia đình, có nhiều người đã được đào tạo bài bản, trong khi phải dành phần lớn thời gian giải quyết việc công, trách nhiệm công việc đòi hỏi cao nhưng với mức phụ cấp trên, khó có thể giúp họ yên tâm công tác, càng không có tác dụng động viên, khuyến khích. Nhiều trường hợp đã bỏ không làm cán bộ KCT hoặc

làm cũng chỉ là “giải quyết tình thế” trong khi chờ công việc khác có cơ hội tốt hơn. Vì vậy, một số địa phương gặp khó khăn trong việc tuyển chọn cán bộ KCT. Chính điều này làm cho công tác tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách ở cơ sở gặp nhiều khó khăn.

+ Về chế độ học tập: Theo nghị định 92/2009/NĐ-CP quy định thì những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm và được hưởng các chi phí học tập như cán bộ, công chức cấp xã. Tuy nhiên, việc đào tạo phải theo quy hoạch cán bộ chung của xã và người được cử đi đào tạo phải hội đủ các điều kiện quy định.

Trên thực tế, có nhiều người hoạt động KCT vẫn được đi bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ ngăn ngừa phù hợp với công việc đang đảm nhiệm. Nhưng cũng có rất nhiều người không được xem xét qui hoạch, bố trí công việc. Do đó có không ít người không được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, không có cơ hội

phát triển càng không có nhiều động lực để đối tượng này phấn đấu...

Tóm lại, những người hoạt động KCT ở cấp xã có vai trò quan trọng ở địa phương. Họ là những viên gạch nền cùng với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống có hiệu quả. Thế những, những qui định của pháp luật về đối tượng này còn nhiều bất cập từ tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn đến các chế độ, chính sách có liên quan, thực sự là những trở ngại lớn cho những người hoạt động không chuyên trách và cho cả chính quyền địa phương trong tiến trình đổi mới, đòi hỏi cấp có thẩm quyền phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, qui định cụ thể các chế định liên quan đến đối tượng này để phát huy được vai trò của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, góp phần xây dựng chính quyền địa phương vững mạnh./.

N.T.B

❖ *Trưởng Phòng Nghiên cứu KH-TT-TL*

☞ *Tiếp theo trang 26* **GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ...**

chuyện, hướng dẫn con em mình vui chơi học tập theo hướng tích cực. Bên cạnh đó, chính phủ, chính quyền địa phương cần ban hành những văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, cụ thể để quản lý những trò chơi bạo lực, không cấp phép những phần mềm game mang tính phản giáo dục. Cần có sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc quản lý việc học tập cho các em học sinh, sinh viên nhất là bậc học mầm non, tiểu học. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các thôn, bản, tổ dân phố cần phối hợp gia đình tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, tạo sân chơi lành mạnh cho các em trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ hè.

Nhân kỷ niệm 16 năm ngày gia đình Việt Nam (ngày 28/6/2001 - 28/6/2017) trong mỗi chúng ta cần phải xác định rõ gia đình là tế bào xã hội, cho nên mỗi người cần quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và xây dựng gia đình mình ngày càng ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Đó vừa là trách nhiệm, bổn phận của bố mẹ, con cái, ông bà, mỗi thành viên gia đình và của toàn xã hội. Mỗi gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc sẽ là nhân tố góp phần vào sự thành công trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đưa đất nước trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại./.

N.V.P

❖ *Khoa Nhà nước & Pháp luật*

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, ĐỊNH HƯỚNG NGƯỜI DÂN KHÔNG VI PHẠM PHÁP LUẬT KHI SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI

❖ ThS Đỗ Quốc Anh

Từ đầu thế kỷ XXI, cùng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, các mạng xã hội nở rộ và trở thành trào lưu, thu hút hàng tỷ người trên thế giới tham gia. Thống kê trên trang *statista.com* trong tháng 4/2017 cho biết, riêng mạng xã hội Facebook có 1,87 tỉ người dùng. Việt Nam là một trong nhóm 10 nước có lượng người dùng mạng xã hội cao nhất trên thế giới (khoảng 35 triệu người), hiện nay có 270 mạng xã hội được Nhà nước cấp phép hoạt động; Trung bình mỗi ngày người Việt Nam vào mạng xã hội khoảng 2 giờ 18 phút.

Mạng xã hội đang trở thành trào lưu của thế kỷ XXI bởi vì nó đáp ứng một nhu cầu quan trọng của cuộc sống con người là tạo lập các mối tương tác, tạo điều kiện để mỗi người có thể chia sẻ, trao đổi, tham khảo ý kiến, thể hiện quan điểm... về một hiện tượng hay vấn đề nào đó của xã hội hoặc của cá nhân họ.

Nhờ những công cụ tiện ích mà mạng xã hội cung cấp, nên người dùng mạng xã hội từ trí thức đến nông dân, từ người giàu đến người nghèo, từ trẻ đến già, từ nông thôn đến thành thị... đều có thể dễ dàng đăng tin lên mạng xã hội bằng nhiều cách như: bài viết, hình ảnh hay video clip.

Tuy nhiên, đa số người tham gia mạng xã hội còn chưa hiểu biết về pháp luật trước khi đăng tải thông tin; Mặt khác một bộ phận người dùng mạng xã hội có trình độ học vấn thấp thường thiếu kỹ năng thu thập, chọn lựa, xử lý thông tin nên họ rất chủ quan, phiến diện hay bị tâm lý đám đông khi bày tỏ quan điểm hoặc đánh giá về một sự kiện, một hiện tượng xã hội, tự nhiên mà người dùng mạng xã hội đăng lên. Điều này dẫn đến nhiều sự việc đáng

tiếc xảy ra như: họ dễ bị kẻ xấu lợi dụng, đăng lại tin sai sự thật, có thể vi phạm pháp luật,...

Để giúp người dân không vi phạm pháp luật và tránh bị kẻ xấu lợi dụng khi sử dụng mạng xã hội, thiết nghĩ chính quyền cơ sở cần làm tốt một số công việc sau:

Một là, chủ động, tích cực tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho nhân dân thấy rõ tính hai mặt của mạng xã hội, nhất là mặt tiêu cực, tác động do âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá, tránh tình trạng vô tình tiếp tay cho các hoạt động chống phá và các hành vi tiêu cực, phản cảm, thiếu văn hóa trên mạng xã hội.

Hai là, cần cung cấp, phổ biến hệ thống văn bản pháp luật, quan điểm chính thống của Đảng, Nhà nước nhằm định hướng người sử dụng trước những thông tin nhạy cảm; xây dựng ý thức và phong cách văn hóa khi tham gia mạng xã hội. Một số văn bản cần phổ biến đến người dân:

1. Luật An toàn thông tin mạng - Quốc hội khóa XIII ban hành ngày 19/11/2015;

2. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, ngày 15/7/2013 của Chính phủ, quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

3. Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT, ngày 19/8/2014, của Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội;

Ba là, cần đi sâu đi sát địa bàn để tiếp cận, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân và đưa thông tin chính thống đến người dân nhanh chóng nhất nhằm nâng cao nhận thức cho chính người sử dụng mạng xã hội.

Bốn là, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ phụ trách công tác văn hóa xã hội ở địa phương tăng cường học tập, tiếp cận, nghiên cứu, học hỏi, nắm bắt, làm chủ công nghệ để có thể kiểm tra, giám sát được thông tin mà người dùng mạng xã hội tại địa phương đăng tải một cách nhanh nhất.

Công tác tuyên truyền, định hướng để người dân không bị lợi dụng hoặc vi phạm pháp luật khi sử dụng mạng xã hội hiện nay là một việc rất khó, bởi vậy nó đòi hỏi sự phối

hợp chặt chẽ, khoa học của các ngành, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, trong đó vai trò của chính quyền cơ sở là rất quan trọng.

Để kết thúc bài viết này, xin trích lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của cấp cơ sở: “*Cấp xã là gần dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi việc đều xong xuôi*”./.

Đ.Q.A

❖ *Phó Trưởng Khoa Dân vận*

☞ *Tiếp theo trang 21* **CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI ...**

vậy, Bác nêu rõ 4 vấn đề cơ bản trước những cán bộ báo chí đó là: Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Viết như thế nào? và đưa ra cách giải quyết căn kẽ, phù hợp với các vấn đề đó: Phải viết gọn, rõ ràng, vắn tắt, nhưng vắn tắt không phải là cụt đầu, cụt đuôi mà phải có đầu, có đuôi... viết phải thiết thực, nói có sách, mách có chứng. Ở đây chúng ta thấy, nhà báo cách mạng Hồ Chí Minh viết báo bằng cả lòng yêu nước, bằng ý chí cách mạng, viết báo để đấu tranh chống lại chế độ thực dân bất công, giải phóng dân tộc khỏi cảnh lầm than, áp bức. Mục đích cao đẹp ấy đã giúp Bác viết lên những bài báo đa dạng, phong phú về chủ đề, văn phong độc đáo nhưng cũng rất gần gũi, cuốn hút người đọc, thuyết phục mọi người gia nhập đội quân cách mạng.

Từ trong kháng chiến, Bác Hồ chỉ rõ nhiệm vụ, mục đích chung của các tờ báo là tuyên truyền cổ động, huấn luyện, tổ chức nhân dân đoàn kết, thi đua yêu nước để kháng chiến

thắng lợi, kiến quốc thành công. Ngày nay chúng ta thấy báo chí là hoạt động tinh thần quan trọng. Những trang báo dù thuộc loại hình gì cũng đều mang ý nghĩa phản ánh hơi thở từng ngày của cuộc sống xã hội, phản ánh rõ nét trình độ văn hóa và khoa học của một đất nước. Do vậy, yêu cầu đặt ra với báo chí trong thời kỳ mới là phải đi sâu vào thực tiễn đổi mới và phát triển của đất nước, góp phần tổng kết và phổ biến kịp thời những kinh nghiệm, bài học, tham gia một cách năng động, tích cực vào quá trình hoạch định và hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội; tham gia và phát huy vai trò quản lý xã hội của báo chí, không rời xa mục tiêu phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân để bảo vệ vững chắc và phát triển bền vững của đất nước theo tư tưởng báo chí cách mạng của Hồ Chí Minh./.

H.T.N.Q

❖ *Khoa Dân vận*

CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG VỚI CÔNG TÁC TẠO NGUỒN, PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN

❖ *Chu Thị Thu Trang*

Tham gia xây dựng Đảng là nhiệm vụ vừa lâu dài, vừa cấp bách của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó có Công đoàn. Đặc biệt, phát triển đảng trong đoàn viên công đoàn là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở từng cơ quan, đơn vị; là một trong những vấn đề quyết định đối với việc tăng cường bản chất giai cấp công nhân, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Do đó, công tác phát triển đảng trong đoàn viên công đoàn luôn được sự quan tâm, là nhiệm vụ quan trọng và trách nhiệm thường xuyên của tổ chức Công đoàn. Với nhiệm vụ như trên, trong nhiệm kỳ 2012 - 2017, Công đoàn Trường Chính trị đã phát huy vai trò của mình đối với việc tạo nguồn và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho đảng xem xét và kết nạp vào đảng.

Công đoàn Trường Chính trị có vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng trong Nhà trường. Đây là tổ chức gần gũi nhất với người lao động nên Ban chấp hành công đoàn Trường Chính trị Khóa VIII, nhiệm kỳ 2012 - 2017 xác định rõ: để kết nối cán bộ, viên chức, người lao động với tổ chức Đảng thì tổ chức Công đoàn phải mạnh, phải thực sự là trung tâm tập hợp, đoàn kết, giáo dục, rèn luyện, xây dựng đội ngũ đoàn viên. Đặc biệt là tạo thuận lợi để đoàn viên công đoàn xác định đúng thái độ, động cơ, phấn đấu để trở thành đảng viên.

Nhận thức được vai trò quan trọng của Công đoàn, trong nhiệm kỳ VIII, Công đoàn Trường Chính trị luôn quan tâm đến công tác tạo nguồn và giới thiệu cho đảng những đoàn viên ưu tú. Công đoàn Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác

tạo nguồn trong đoàn viên công đoàn. Các Chi thị, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước được triển khai kịp thời tới đoàn viên, ngược lại, những đề xuất, kiến nghị chính đáng của đoàn viên đều được Ban chấp hành Công đoàn nhà trường nắm bắt và kịp thời cùng với lãnh đạo, cấp ủy giải quyết, từ đó đã tạo môi trường thuận lợi cho đoàn viên, người lao động trong Nhà trường phát huy khả năng sáng tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành quần chúng ưu tú để công đoàn xem xét, giới thiệu cho Đảng.

Công đoàn nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Đảng, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức chính trị, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự giác phấn đấu để trở thành đảng viên cho đoàn viên công đoàn. Bên cạnh đó, Công đoàn Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần dân tộc, tác phong và đạo đức nghề nghiệp cho đoàn viên bằng nhiều hình thức phong phú.

Đồng thời, Công đoàn Nhà trường cũng đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn, tạo điều kiện, môi trường cho đoàn viên thể hiện năng lực và phẩm chất, cũng như động cơ phấn đấu đúng đắn để trở thành đảng viên. Vì vậy, công tác tạo nguồn, giới thiệu đoàn viên ưu tú để đảng xem xét và kết nạp đã có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượng đoàn viên ưu tú được Đảng xem xét và kết nạp vào đảng ngày càng tăng, trình độ của người vào đảng cũng cao hơn. Cụ thể: Trong nhiệm kỳ 2012 - 2017, Công đoàn trường Chính trị Lâm Đồng đã giới thiệu được 13 công đoàn viên ưu tú để đảng xem xét và kết nạp, số đoàn viên công đoàn ưu tú được kết nạp vào Đảng là 13 đồng chí, (so với

nhiệm kỳ 2007 – 2009 có 01 đoàn viên được kết nạp), trong đó có 7 đoàn viên nữ. Công đoàn Nhà trường đã nhận xét, đề nghị để 08 công đoàn viên chuyển đảng chính thức, (so với nhiệm kỳ 2007 – 2009 có 02 đoàn viên được chuyển đảng chính thức), trong đó có 05 đoàn viên là nữ đoàn viên công đoàn. Về trình độ của các đoàn viên ưu tú được kết nạp vào đảng có 04 đoàn viên là Thạc sĩ, 03 đoàn viên đang theo học chương trình sau đại học.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác tạo nguồn, giới thiệu để đoàn viên công đoàn phát triển đảng cũng còn những khó khăn, hạn chế nhất định như: quá trình phấn đấu của một số đoàn viên công đoàn còn chậm so với yêu cầu. Nguyên nhân do: Sự phấn đấu, trưởng thành vượt lên của một số đoàn viên trong công đoàn Nhà trường không đồng đều; một số đoàn viên chưa thật sự tham gia tích cực vào các hoạt động phong trào; một số đoàn viên trong công tác chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu, sự tiến bộ về chuyên môn ở một số đoàn viên trẻ còn chậm; ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, chưa thật sự được tự giác, sự phấn đấu chưa đều; động cơ, thái độ vào Đảng chưa đúng.

Để khắc phục những khó khăn nêu trên và để làm tốt công tác rèn luyện, phát triển đảng trong đoàn viên công đoàn của Nhà trường trong thời gian tiếp theo, Công đoàn Trường chính trị Lâm Đồng cần tiếp tục thực hiện một số giải pháp như sau:

Một là, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức chính trị, tinh thần tự giác và ý thức phấn đấu vào Đảng đúng đắn cho đoàn viên công đoàn gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 30-10-2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến" và "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Hai là, đẩy mạnh các phong trào thi đua

yêu nước, các cuộc vận động lớn như: người cán bộ, viên chức “Trung thành - Sáng tạo - Tận tụy - Gương mẫu”; với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; Phong trào “Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá”; Phong trào nữ 2 giỏi “Giỏi việc nước - đảm việc nhà” trong nữ công nhân viên chức lao động... Thông qua các phong trào thi đua để phát hiện những nhân tố tích cực điển hình. Đồng thời tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho đoàn viên công đoàn thể hiện năng lực và phẩm chất, cũng như động cơ phấn đấu đúng đắn để trở thành đảng viên.

Ba là, Công đoàn chú trọng làm tốt vai trò đại diện, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động; tổ chức tốt các hoạt động xã hội, từ thiện, tạo động lực để người lao động hăng hái tham gia, phấn đấu rèn luyện để được đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Bốn là, tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng.

Năm là, Công đoàn thường xuyên tổ chức cho quần chúng tham gia góp ý xây dựng Đảng với tinh thần thẳng thắn, chân tình, trung thực và xây dựng. Tích cực bồi dưỡng, rèn luyện viên chức, người lao động để lựa chọn, giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp.

Sáu là, Công đoàn kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những bức xúc của công đoàn viên và phản ánh với Đảng, để Đảng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, phù hợp đáp ứng kịp thời yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động.

Khi Công đoàn Trường Chính trị thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ giúp công đoàn viên hăng hái tham gia, phấn đấu rèn luyện để được đứng vào hàng ngũ của Đảng, từ đó góp phần xây dựng Đảng, Nhà trường và Công đoàn Nhà trường vững mạnh./.

C.T.T.T

❖ *Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng*

LẠC DƯƠNG LÀM TỐT CÔNG TÁC CÁN BỘ ĐỐI VỚI CÁN BỘ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

❖ ThS Võ Thị Bích Thủy

Huyện Lạc Dương nằm trên cao nguyên Lâm Viên, phía Bắc của tỉnh Lâm Đồng, cách trung tâm thành phố Đà Lạt 12 km. Toàn huyện hiện có 4.88 hộ với 22.362 nhân khẩu, trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số gốc bản địa là 3.528 hộ/19.798 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 75.1% tổng dân số toàn huyện, còn lại là dân tộc Kinh và các dân tộc khác.

Thời gian qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối kết hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể công tác đào tạo bồi dưỡng, đặc biệt là bố trí sử dụng cán bộ bước đầu đã đạt được nhiều kết quả nhất định góp phần nâng cao số lượng, chất lượng là người dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị đặt ra ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay cụ thể:

Quán triệt Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 31/10/2006 của Tỉnh ủy về tập trung nguồn lực tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2006 - 2010; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 20/10/2008 của Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ về việc bố trí việc làm cho sinh viên dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên; đồng thời căn cứ vào chỉ tiêu, biên chế được giao và tiêu chuẩn cán bộ, công chức viên chức theo quy định, trong những năm qua Ủy ban nhân huyện Lạc Dương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện thực hiện việc hợp đồng, tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

Bên cạnh việc ban hành các văn bản về tuyển dụng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, hàng năm Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo,

bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong đó có đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Đồng thời, để hoàn thành tiêu chí thứ 18 về "Xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh" trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo đạt chuẩn theo quy định cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Từ đó, góp phần làm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và các xã, thị trấn từng bước được phát triển cả về số lượng và chất lượng, chuẩn hóa theo chức danh, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ.

Nhìn chung công tác bố trí sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã là người dân tộc thiểu số bảo đảm được tính dân chủ, khách quan, hợp lý, đúng quy trình, quy định. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng căn cứ vào văn bản hướng dẫn và sự chỉ đạo của cấp trên, Huyện đã chủ động đề ra quy định về tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số tại chỗ trong các cơ quan; Công tác quản lý, đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ công chức viên chức người dân tộc thiểu số đã từng bước được chuẩn hóa, nâng cao về chất lượng, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của thực tiễn địa phương. Kết quả toàn huyện hiện có 195 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người Dân tộc thiểu số chiếm 25% trên tổng số đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của huyện, trong đó cán bộ dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo quản lý là 84 người⁽¹⁾.

Cụ thể:

- Cấp huyện: có 120/751 cán bộ công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 16%), trong đó:

+ Khối hành chính có 06/88 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ

7%), trong đó có 5 người đạt chuẩn và 01 người chưa đạt chuẩn về ngạch và vị trí việc làm cần đào tạo, bồi dưỡng.

+ Khối sự nghiệp Nhà nước có 12/128 công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 10%), trong đó có 11 người đạt chuẩn và 01 người chưa đạt chuẩn về ngạch và vị trí việc làm cần đào tạo, bồi dưỡng.

+ Khối sự nghiệp Giáo dục có 102/500 công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 20%), trong đó 100% đã đạt chuẩn về ngạch và vị trí việc làm.

- Cấp xã: Có 75/125 cán bộ công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 60%), trong đó:

+ Cán bộ chuyên trách: có 43/63 cán bộ là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 68%), trong đó có 11 người đạt chuẩn và 32 người chưa đạt chuẩn về ngạch và vị trí việc làm cần đào tạo, bồi dưỡng.

+ Công chức cấp xã: có 32/62 công chức là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 52%), trong đó có 27 người đạt chuẩn và 05 người chưa đạt chuẩn về ngạch và vị trí việc làm cần đào tạo, bồi dưỡng⁽²⁾.

Qua điều tra khảo sát lấy ý kiến đánh giá của cán bộ chủ chốt cấp huyện thì 90% ý kiến cho rằng khả năng thực hiện công việc của cán bộ là người dân tộc và làm công tác dân tộc là tốt và 84% ý kiến cho rằng ý thức trách nhiệm, khả năng sáng tạo, linh hoạt với công việc của đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc là tốt.

Kể từ khi Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 có hiệu lực thi hành đến nay Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương đã tuyển dụng vào biên chế 10 công chức là người dân tộc thiểu số, trong đó có 01 công chức cấp huyện (tuyển dụng thông qua hình thức thi tuyển công chức do Sở Nội vụ tổ chức năm 2012) và 09 công chức cấp xã (tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển do Hội đồng nhân dân huyện tổ chức năm 2011). Riêng việc tuyển dụng viên chức, từ đầu năm 2012 đến nay huyện chưa tổ chức được do đang trong quá trình xây dựng Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở cho việc tuyển dụng viên chức.

Việc tuyển dụng công chức trong thời gian

qua đã được Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đảm bảo đúng các nguyên tắc, luật định trong tuyển dụng công chức như: Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng pháp luật; bảo đảm tính cạnh tranh; tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm; ưu tiên tuyển chọn những người có tài năng, người có công với nước, người dân tộc thiểu số.

Bên cạnh việc tuyển dụng công chức vào biên chế, trong thời gian chờ tổ chức các đợt tuyển dụng công chức, viên chức tiếp theo, Ủy ban nhân dân huyện đã đồng ý cho các cơ quan, đơn vị, địa phương được ký kết hợp đồng lao động đối với 58 lao động là người dân tộc thiểu số (trong đó có 03 hợp đồng lao động theo Đề án Tây nguyên) và bố trí 06 sinh viên của Đề án 50 trí thức trẻ người dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên về làm trợ lý Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện trước khi xem xét cho bầu cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đến nay có 01 trí thức trẻ được bầu làm phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đa Chais⁽³⁾.

Đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở huyện Lạc Dương được hình thành từ nhiều nguồn, một số trưởng thành từ hai cuộc kháng chiến, một số trưởng thành từ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chủ yếu nhất vẫn là từ phong trào thực tiễn tại cơ sở do đó họ luôn gắn bó với cơ sở địa phương. Qua số liệu thống kê của phòng nội vụ cho thấy cán bộ, công chức là người Dân tộc thiểu số làm việc chủ yếu ở cấp xã nhiều hơn cấp huyện. Hiện có 75/125 cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 60%).

Các chủ trương chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số tại chỗ được quan tâm kịp thời. Thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh còn ban hành các văn bản về cơ chế, chính sách như: trợ cấp xã hội cho sinh viên, học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đào tạo nghề; hỗ trợ con em người dân tộc thiểu số đào tạo theo chế độ cử tuyển, đào tạo ngoại ngữ, tin học... Thực hiện chính sách ưu tiên trong thi tuyển công chức theo quy định của Luật cán bộ công chức

Tin tức - Sự kiện

(người dân tộc thiểu số được cộng thêm 20 điểm) do vậy đã góp phần giúp cho đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số yên tâm công tác, cuộc sống đỡ khó khăn, vất vả, có thể tập trung trí lực vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Đối với công tác bầu cử, phê chuẩn: Trong nhiệm kỳ Đảng bộ 2010-2015 và nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân 2011-2016, toàn huyện có 174 người dân tộc thiểu số được bầu cử, phê chuẩn, cụ thể:

+ Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2010-2015 (đầu nhiệm kỳ) có 04 đồng chí người dân tộc thiểu số (chiếm 10,26%). Ban chấp hành Đảng bộ các xã, thị trấn có 54 đồng chí người dân tộc thiểu số (chiếm 69,23%). Ban Thường vụ Huyện ủy có 02 đồng chí người dân tộc thiểu số (chiếm 16,67%); Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, thị trấn có 16 đồng chí dân tộc thiểu số (chiếm 61,54%).

+ Đại biểu HĐND huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2011-2016 (đầu nhiệm kỳ) có 11 đại biểu dân tộc thiểu số (chiếm 36,66%); đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có 105 đại biểu dân tộc thiểu số (chiếm 74,47%).

+ Chủ tịch, phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có 08 đồng chí dân tộc thiểu số (chiếm 66,67%)⁽⁴⁾.

- Việc bầu cử, phê chuẩn các chức danh của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2011-2016 trên địa bàn đã được thực hiện theo đúng quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Hướng dẫn số 738/HD-UBTVQH12 ngày 30/5/2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hướng dẫn số 975/HD-BNV ngày 04/5/2004 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 474-QĐ/TU ngày 11/12/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các chức danh của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2011-2016 được bầu cử, phê chuẩn đều đảm bảo đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành. Việc bầu cử và trình phê chuẩn các chức danh đều được thực hiện sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ và đảm bảo nguyên tắc bỏ phiếu kín theo

danhsách đề cử chức vụ từng người.

- Số lượng cán bộ quản lý, lãnh đạo người dân tộc thiểu số:

+ Cấp huyện: 07 người, trong đó:

Ủy viên Ban Thường vụ: 01 người (Phó Bí thư Huyện ủy).

Trưởng, phó phòng và tương đương: 06 người (04 trưởng, 02 phó).

+ Cấp xã: 77 người, trong đó:

Bí thư: 01 người (kiêm Chủ tịch HĐND); Phó Bí thư: 8 người (trong đó có 03 người kiêm Chủ tịch UBND, 01 người kiêm Phó Chủ tịch HĐND).

Chủ tịch HĐND: 01 người; Phó Chủ tịch HĐND: 04 người.

Chủ tịch UBND: 02 người; Phó Chủ tịch UBND: 03 người.

Trưởng các đoàn thể: 34 người; phó các đoàn thể: 23 người.

Nhìn chung việc thực hiện chính sách, pháp luật trong việc đào tạo, bố trí, sử dụng đối với đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Lạc Dương trong những năm qua đã được triển khai đúng quy trình, đúng chế độ chính sách ưu tiên, đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch, công bằng được dư luận đồng tình ủng hộ; các văn bản phục vụ cho công tác đào tạo, sử dụng cán bộ tương đối phù hợp với tình hình của địa phương. Từ đó góp phần làm cho đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ là người dân tộc thiểu số của huyện Lạc Dương nói riêng đã có bước trưởng thành, hầu hết đều nhiệt tình, chịu khó học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành, có phẩm chất đạo đức tốt, phấn đấu, phát huy tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, bộ máy chính quyền nhà nước, các đoàn thể quần chúng và phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương./.

V.T.B.T

Tài liệu tham khảo

(1), (2), (4) Báo cáo của phòng nội vụ.

(3) Báo cáo của phòng dân tộc

❖ *Trường Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

THÔNG TIN KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG NĂM HỌC 2016 - 2017

❖ Phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu

Trong năm học 2016 - 2017, Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành triển khai và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và hoạt động nghiên cứu khoa học, với kết quả nổi bật cụ thể như sau:

1. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Tổng số lớp đã thực hiện trong năm học 2016 - 2017 là 80 lớp, 6.389 học viên, trong đó:

- Cao cấp LLCT-HC: 02 lớp, 180 học viên
- Trung cấp LLCT-HC: 27 lớp, 2.159 học viên (trong đó: 05 lớp hệ tập trung và 22 lớp hệ không tập trung)
- Các lớp hệ bồi dưỡng: 40 lớp, 3.531 học viên (bao gồm: bồi dưỡng chuyên viên, chuyên viên chính, bồi dưỡng ngắn ngày...)
- Liên kết đào tạo chương trình sau Đại học (Cao học) và Đại học:

- + Cao học: 02 lớp, 62 học viên
- + Đại học: 09 lớp, 457 học viên

2. Về hoạt động nghiên cứu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học: triển khai và nghiệm thu 03 đề tài khoa học cấp cơ sở (Trường), gồm:

- “Giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện tốt một số chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên địa bàn huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng”, do khoa Lý luận Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện.

- “Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng”, do khoa Nhà nước - Pháp luật thực hiện.

- “Một số giải pháp nhằm hoàn thiện phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp xã ở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng”, do



Đ/c Phạm Kim Quang, Phó Hiệu trưởng trao Chứng chỉ chuyên viên cho học viên lớp Bồi dưỡng Ngạch Chuyên viên K65

khoa Dân vận thực hiện.

Tổ chức Hội thảo khoa học: Tổ chức 02 cuộc Hội thảo khoa học cấp tỉnh gồm:

- + Hội thảo khoa học “Hiến pháp Việt Nam - sự kết tinh ý chí, trí tuệ của toàn dân tộc”.
- + Hội thảo khoa học “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến - giá trị của niềm tin vào chân lý”.

Công tác biên tập và xuất bản: xuất bản 03 số Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”: 53, 54, 55 và 01 Kỷ yếu “Kỷ niệm 40 năm thành lập trường”.

Đối với công tác thao giảng, thẩm định bài giảng: nhà trường tiến hành tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường lần thứ VI, có 06/06 giảng viên tham gia dự thi và đạt thành tích giảng viên dạy giỏi cấp trường. Trong năm học, Hội đồng khoa học nhà trường tiến hành thẩm định bài giảng 05 giảng viên đang công tác tại các khoa chuyên môn.

Ngoài những hoạt động trên, trong năm học 2016 - 2017, 100% các khoa chuyên môn tổ chức đi nghiên cứu thực tế tại các địa bàn trong tỉnh và 03 đoàn cán bộ, giảng viên - viên chức đi tham quan, nghiên cứu, học tập các trường chính trị khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Tây Nam bộ./.

Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Bùi Thắng, TUV, Hiệu trưởng trao Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho Đ/c Trương Công Liêm, Trưởng phòng Đào tạo



Ban Chấp hành Công đoàn Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng Nhiệm kỳ 2017 - 2022



Hội đồng Khoa học nhà trường tổ chức đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở do Khoa Dân vận chủ trì thực hiện



Giải bóng chuyền chào mừng kỷ niệm 72 năm Quốc khánh nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2017)



Toàn cảnh buổi sinh hoạt thông tin khoa học báo cáo kết quả đi nghiên cứu thực tế các tỉnh miền Bắc



Đoàn cán bộ, viên chức và người lao động nhà trường đi tham quan thực tế tại tỉnh Bình Thuận (Tháng 7/2017)

